

QUAN ÂM HUYỀN NGHĨA

(quyển thượng)

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 34 (*Bản này được khắc vào đời nhà Minh Vạn Lịch (Trung Quốc) và đang lưu trữ tại Báo Ân Tạng thuộc chùa Jojoji (Tăng Thượng tự) Tokyo, Nhật Bản*).

Thứ tự kinh văn số 1726

Đời Tùy, Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng và môn nhơn Quán Đảnh ghi lại (bằng chữ Hán)

Sa Môn Thích Như Điển Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ chữ Hán sáng tiếng Việt nhân mùa An Cư Kiết Hạ năm 2013; Phật lịch 2557 tại thư phòng chùa Viên Giác. Bắt đầu dịch ngày 20 tháng 6 năm 2013.

Phàm là pháp giới thì viên dung; tượng chẳng phải là tượng; chơn như thanh tịnh; hóa không chỗ hóa. Tuy rằng (hình) tượng chẳng phải chỗ tượng; không có chỗ thì cũng chẳng có tượng. Hóa (thay đổi) chẳng phải chỗ hóa; tuy không chỗ, mà lại chẳng hóa. Cho nên chẳng tại; chẳng phải chẳng tại; hóa thân ứng hiện vào 9 đường. Nơi đó chẳng hoàn toàn yên; chỉ nhập vào bất nhị. Đây là dùng ba nghiệp để cầu thỉnh, rộng thoát bến bờ khổ sở. Tứ Hoàng Thệ Nguyên làm cho ân triêm lợi lạc. Cho nên thế giới Ta Bà nhận tên là Vô Úy. Đức Phật Bảo Tạng y nơi mắt thần của Đức Quan Âm, là chủng tánh giác ngộ để thành (tự) hiệu là Chánh Pháp Minh. Kế tiếp sẽ được bổ xứ, xưng là Phổ Quang Công Đức. Bản Tích này, nếu là như vậy thì cũng có thể thử xem để rõ. Phương tiện tùy duyên, cứ tuyên ra một tên như vậy. Nay nói về Đức Quan Thế Âm. Theo âm chính thức của Tây Thổ (Ấn Độ) là A Già Bà Sô Kiết Đệ Luân (Avalokitesvara). Đọc ra âm là Quan Thế Âm. Hay tròn đầy, có không đầy khắp; chiếu cùng chánh tánh; cho đến chỗ tận cùng; cho nên gọi là Quán. Thế Âm ấy là chỗ thấy cảnh, mọi vật đều lưu động, cách biệt chẳng đồng. Âm thanh xướng lên

vi diệu, đều làm cho thoát khỏi khổ. Bồ Tát dùng lòng từ, một lúc đều cứu khắp. Tất cả làm cho giải thoát; cho nên gọi là Quán Thế Âm. Điều này tức là cảnh, trí cả hai đưa ra, có thể gặp nhau ở một điểm. Kinh này do nghĩa này. Câu văn, lý giải biểu hiện dệt nên cái tâm của hành giả. Cho nên gọi là Kinh.

Còn Phổ Môn- Phổ nghĩa là biến ra, cửa ấy có thể thông qua. Dùng một thật tướng khai mở 10 Phổ Môn. Chẳng có chướng ngại; cho nên gọi là Phổ Môn. Còn Phẩm có nghĩa là loại. Từ tướng của loại ấy; cho nên nói là Phẩm. Đại Bộ gồm có 5 chương, làm sáng tỏ nghĩa. Nay lấy phẩm ấy làm thí dụ để giải thích điều này. Năm ý đó là: một là giải thích tên; hai là xuất thế; ba là làm rõ tông chỉ; bốn là biện bạch cách dùng; năm là giáo tướng.

Giải thích về tên lại có hai. Một là giải thích về Thông và hai là giải thích về Biệt. Thông ấy là người, pháp hợp lại rõ ràng. Biệt ấy là người, pháp mỗi mỗi đều biện giải. Vì sao lại như vậy? Nương vào nơi lợi, độn, để nói có rộng, lược. Nay tựu chung giải thích về Thông lại có 4. Một là nhiều tên; hai là lần lược; ba là giải thích; bốn là liệt giản. Một là nhiều tên ấy có 10 nghĩa; dùng đây để giải thích về Thông. Vì sao như vậy? Cho đến cái lý thanh tịnh, không tên chẳng tướng, chẳng pháp, chẳng người. Qua khỏi số lượng; chẳng phải một, hai, ba. Mà diệu lý hư, Thông ấy không danh tướng, ở giữa giả danh tướng để nói. Cho nên lập nên tên mà không tên, giả xưng người, pháp. Tuy không số lượng, lại nói về số lượng. Cho nên Đại Luận nói: Bát Nhã là một pháp, Phật nói đủ loại tên. Tùy theo chúng sanh mà vì đó lập nên chữ khác. Nay nói ở trong này, lược dùng 10 nghĩa để giải thích ý nghĩa theo Thông.

Mười nghĩa ấy là: một - người, pháp; hai- từ bi; ba- phước đức; bốn- chơn ứng; năm- lạc thù; sáu- minh hiển; bảy- quyền thật; tám- bổn tích; chín- duyên liễu; mười- trí đoạn.

Phần thứ hai lần lược ấy là có hai ý. Một là đại khái lần lược nói rõ về Quán. Hai là đại khái lần lược nói rõ về Giáo. Đại khái về Quán tức là tổng nói về đầu tiên, giữa và tâm sau cùng của đại viên quả mãn. Đại khái về Giáo tức là khái quát về tiêm, đốn, lớn, nhỏ của

các kinh. Đại khái về Quán dùng người, pháp lấy làm đầu tiên. Muốn làm rõ việc làm của Quán thì tất nhiên có người; người tất nhiên có pháp. Giống như người ấy thọ một kỳ quả báo, thành người cõi âm. Tuy đây đủ vô lượng đức hạnh; tất nhiên trước tiên mục tiêu là về tên gọi. Cho nên dùng người, pháp ở đầu. Ý ấy lại như ví dụ này. Nhơn, Pháp nằm đầu ở chín nghĩa kia, có thể được; nhưng cái ý dùng người, pháp theo thứ lớp là như thế nào? Điều này căn cứ vào kinh và kinh nói rằng: Do nhơn duyên này nên gọi là Quán Thế Âm; tức là phía trước nói về người. Sau đó mới nói về lực phương tiện của Phổ Môn Thị Hiện; tức là luận nói về pháp, người ấy có thể nắm pháp; cho nên nói người, pháp vậy.

Hai là từ bi. Do khi Đức Quán Âm xem thấy nơi con người, pháp thật tướng Phổ Môn, đạt được ở cái lý của phi nhơn, phi pháp thật tướng. Tất cả chúng sanh lại cũng đều như thế. Cho nên Hoa Nghiêm nói rằng: Tâm Phật và chúng sanh đều là tâm vô sai biệt. Lý này đầy đủ, không có khuyết giảm. Vì sao chúng sanh, lý ấy đầy đủ, mà tình mê, điên đảo, khổ não. Khi quán xét như vậy rồi, liền khởi từ tâm, thệ nguyện đánh bạt những khổ não ấy để được vui. Cho nên làm rõ từ bi vậy. Lại nữa nếu nói chung là vì tiện lợi. Đầu là lòng từ và sau là lòng bi. Lại cũng là bản hoài của Bồ Tát muốn đại từ cùng với niềm vui. Tức khi chẳng được vui thì dùng đại bi để đánh bạt đi những sự khổ não. Cho nên Từ ban đầu và sau là Bi. Nếu dùng đó theo thứ lớp có nghĩa là đầu tiên dùng đại bi để bạt đi sự khổ, sau đó mới dùng đại từ để được vui. Lại nữa nói chung thì hành giả trước thoát khổ, sau lợi lạc. Cho nên nói trước Bi sau Từ. Nay từ nghĩa phía trước mà lần theo.

Ba là phước huệ. Đầu tiên tức là người, pháp; tướng ấy thành và ở đây căn cứ để tin điều này. Tiếp theo tức là từ bi cùng với sự đánh bạt ấy; chính là làm rõ nguyện này. Muốn tròn đầy nguyện này tất nhiên phải tu hành. Tu hành không ra khỏi phước huệ; huệ tức là Bát Nhã; phước ấy tức là ngũ độ. Hồ tương dẫn dắt để thực hành thuận theo lời nguyện, sự lý đầy đủ. Nếu trí huệ tăng trưởng sáng tỏ; tức là đại bi thệ đầy đủ, ý nghĩa bạt khổ thành tựu. Nếu phước huệ thâm hậu; tức là đại từ thệ đầy đủ, cùng với ý nghĩa của niềm vui thành tựu. Cho nên phước huệ ở phần ba vậy. Lại nữa cũng nói

là tiện; trước phước, sau huệ. Nếu bỏ ý hóa tha, trước muốn thật huệ lợi ích thì như đây chẳng phải để chỉ cho phước đức. Lại nữa từ ấy dùng phước trước và đạo ấy dùng huệ trước.

Bốn là chơn ứng. Nếu trí tuệ chuyển sáng; tức là khế hợp với pháp tánh. Pháp tánh ấy gọi là thật tướng, vì pháp thân. Pháp thân ấy liền hiển, có thể từ chơn khởi ứng. Chơn hiển, ứng khởi chỉ do phước huệ khai phát. Cho nên thuộc phần thứ tư vậy. Lại cũng là phương tiện hóa vật. Trước dùng ứng, sau dùng chơn. Nay từ nghĩa trước mà lần lượt vậy.

Năm là làm sáng tỏ hai thân Dược Châu. Trước làm rõ chơn ứng ; thẳng nói chúng được; nhưng chưa qua được việc lợi người. Nay làm sáng tỏ cả hai thân, đều có thể ích vật. Chơn thân phá chấp tướng giống như Dược(thuốc). Ứng thân đối lại với vạn loại căn cơ ở Châu(đồ quý giá). Cả hai chữ đều lần lượt làm sáng tỏ. Cùng với từ bị tương tự như vậy.

Sáu là hiển chỗ tối. Trước làm sáng tỏ hai thân đạo lý; tức là có thể hiển ích. Nay biện giải cho bị duyên kia được man mác lợi ích; hoặc được hiển ích. Cho nên hai thân sau này sáng tỏ.

Bảy là làm sáng tỏ quyền thật. Trước duyên được ích thì ý gì là chẳng đồng?. Do vì quyền xảo, vô phương tiếp theo đầy đủ. Chẳng mất điều này, tuyên nói về lực của hai trí. Cho nên dùng điều này để làm theo thứ lớp vậy. Trước quyền, sau thật. Điều này tự chung là sâu cạn làm thứ lớp. Nếu nương vào câu văn thì trước dùng thật ích, sau đó dùng quyền để độ. Điều này là theo vật làm lần lượt. Tự chung là bốn ý của Phật. Trước chỉ vì một đại sự nhân duyên; đầu tiên hiển thật ích; chúng sanh chưa sâu sắc, sau dùng quyền để độ.

Tám là làm sáng tỏ Bốn Tích. Tuy là việc xảo diệu của ích vật quyền thật, mà xảo ấy lại có ưu điểm; tất nhiên là ở thượng, trung, hạ rõ biết đặc thù của Bốn Tích. Quyền thật lược bớt , mà bỏ chiều ngang. Nay muốn rõ biết tinh tế cao thấp; nên dùng sự soi rõ thứ vị. Nếu căn bản này cao, thì chỗ tạo quyền thật của Tích ấy tức

điều dụng. Do vậy lần lượt phía sau tổng lược biện giải tinh tế về điều có thể này. Không có Bôn thì không thể dùng Thùy Tích; cho nên trước làm rõ Bôn này. Chẳng phải Tích thì không dùng hiển Bôn; nên trước là Tích.

Chín là làm sáng tỏ liễu nhơn và liễu duyên. Như bên trên hành nhơn phát tâm tu hành, từ nhơn đến quả; hóa tha lợi vật, sâu cạn chẳng giống nhau. Từ người, pháp cho đến chơn ứng là tự thực hành lần lượt. Dược Châu cho đến Bôn Tích là lần lượt hóa tha. Điều này thuận cho việc luận, mà chưa phải là việc thảo luận căn bản. Nay nguyên là hạt giống tánh đức này; nếu con người quán trí và tâm bi thệ nguyện, thì trí tuệ trang nghiêm ra khỏi chơn thân. Tất cả những điều này là chủng tử của liễu nhơn vậy. Nếu là pháp của Phổ Môn thì tâm từ làm thệ nguyện. Phước đức trang nghiêm hiển xuất ứng thân. Tất cả đều là chủng tử của nhơn duyên. Cho nên lần lượt ở phần thứ chín vậy.

Mười là làm sáng tỏ trí đoạn. Phía trước làm sáng tỏ duyên rồi; tức là thảo luận về cái nhơn ban đầu. Nay làm rõ trí đoạn tức là thuận theo việc thảo luận rốt ráo. Bắt đầu là khởi lên chính liễu nhơn và cuối cùng tức là Bồ Đề đại trí. Đầu tiên khởi lên chính việc duyên vào nhơn; chung cuộc là Niết Bàn đoạn đức. Nếu vào Niết Bàn thì các hạnh dừng nghỉ. Cho nên ở nơi Thập Địa.

Thứ hai tính đến những lời dạy, lần lượt làm sáng tỏ. Lại nữa vì Thông, Biệt. Thông, nghĩa có thể giải. Biệt, nay có thể nói. Như Hoa Nghiêm Đốn Giáo chỉ bày trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm thì đầu tiên nương vào ban đầu để làm rõ người và pháp. Người này giữ pháp, tất cả đầy đủ từ bi. Bồ Tát tu nhơn, ở nơi phước huệ, liền vào địa vị, tất chứng chơn ứng. Liền có thể lợi vật; tức là biện giải Dược Châu. Vật được (lợi) ích này, có minh (man mác), có hiển, mà chưa được biệt luận về quyền thật bôn tích, duyên vào liễu trí đoạn. Thông, nghĩa tức có; biệt ý, tức không. Vì sao như vậy? Phật đã có thời kỳ hóa vật, làm sáng tỏ nơi đốn, tiệm. Đốn giáo tuy nói Tiệm giáo vị chướng; nhưng vẫn chưa rõ 4 ý. Vì sao lại bất minh? Kinh kia làm sáng tỏ chỗ ngăn cách nhỏ nơi lớn như điếc, như câm. Che đậy ấy đối với quyền này chưa

hiển được sự thật này. Cho nên nói rằng xa lâu yên lặng, do chỗ chính yếu chưa cần để nói nhanh. Cho nên nói là không quyền, thật.

Nói là chẳng có Bồn, Tích là kinh kia chưa phát hiện Tích của việc thân ấy sinh nơi Vương Cung. Tích của pháp thân tịch diệt ở Đạo Tràng. Chưa khảy móng tay cười vui, phát ra lâu dài xa xôi, là Bồn của hai thân được sanh pháp. Cho nên nói là không Bồn, Tích.

Nói vô duyên liễu trí đoạn là chẳng rõ căn tánh của Tiểu Thừa và kẻ có tâm. Bồn ấy tự có ở nơi nhọn thường trụ. Sẽ khắc sâu trí đoạn Bồ Đề Bồn Quả. Cho nên nói là không vậy.

Kể đến đại khái nói về ba tạng giáo. Thường hay làm rõ người, pháp, từ bi, phước huệ ba nghĩa. Vô chơn ứng cùng với 7 loại. Vì sao lại như vậy? Trong Nhị Thừa dạy rằng làm rõ thân tro, trí diệt. Ở nơi kia được từ chơn khởi ứng. Liên chẳng chơn ứng, thì sẽ là ích vật gì? Riêng thật là khó. Thông luận gồm 10 cách nói riêng nơi 3. Ba này nếu là đại khái chơn đế; tức là tùy theo nghĩa của thông và đầy đủ 10 ý. Sao lại dừng ở ba? Nếu nói là biệt thì biệt ấy ứng với Trung Đạo. Liên được có Trung Đạo, người, pháp ba loại. Ý gì không có 7? Riêng đáp rằng: Thông luận về 10 ý; đại khái điều này ở Tam Thừa. Cách nói riêng là 3 loại, nói rộng về Bồ Tát. Tam Tạng Bồ Tát có từ bi, phước huệ và nghĩa phục hoặc. Phục ấy lại chẳng đoạn; cho nên không chơn ứng 7 pháp. Sư bảo rằng: Lời dạy chính tề dừng ở ba. Nếu là Phương Đẳng dạy cách đối lại với Tiểu và làm sáng tỏ Đại. Được Trung Đạo Đại Thừa, người, pháp cho đến man mác hiển hai việc ích lợi cùng với 6 ý. Rồi dụ cho phương khác. Sau đó điều phục chúng sanh. Cho nên chẳng được nói là quyền, thật với 4 ý. Lời dạy rõ ràng của Bát Nhã, tuy chưa gặp người Tiểu Thừa, đã gặp pháp Tiểu; tất cả đều là Ma Ha Diên(Đại Thừa), mà làm rõ người, pháp cùng với 6 ý. Lại mang phương tiện chưa rõ ràng quyền, thật v.v... nếu nói đại khái như lời dạy bên Pháp Hoa thì liền gặp người của Tiểu Thừa. Người thật là con ta, ta thật là cha của người. Các người hành Bồ Tát đạo này, khai quyền hiển thật, phát Bồn hiển Tích. Rõ nghĩa quyết định,

chẳng tướng nghi nan. Cho nên rõ biết Pháp Hoa được rõ ràng nơi Trung Đạo, người, pháp cho đến Bản Tích 8 ý.

Những lời dạy ở phía trước, có chỗ không rõ, Pháp Hoa mới nói. Cho nên nói rằng: chưa hề hướng đến người để nói việc như thế này. Nay chỗ nói ấy tức là điều này nay sẽ vì người mà nói việc thật nhất. Ba đời chư Phật điều thực chúng sanh, đại sự nhơn duyên cứu cánh viên mãn, nhờ ở Pháp Hoa cho nên hai vạn ngọn đèn tỏa sáng mà diễn nói Pháp Hoa, liền hóa nhập diệt. Ca Diếp Như Lai lại cũng như vậy. Nếu nói về Niết Bàn thì có hai loại; đó là lợi và độn. Như dòng giống của Thân Tử (Xá Lợi Phất) tất cả đều ở nơi Pháp Hoa mà ngộ nhập. Tám nghĩa đầy đủ; chẳng chờ Niết Bàn. Kẻ độn căn đệ tử ở nơi Pháp Hoa chưa ngộ, lại vì người này kiểm điểm nguyên do, rộng nói duyên liễu, rõ ba Phật tánh. Nếu luận về tánh đức liễu nhơn chúng tử, thì tu đức; tức thành Bát Nhã. Cứu cánh tức thành trí đức bồ đề. Tánh đức duyên nơi nhơn chúng tử. Tu đức thành giải thoát đoạn đức Niết Bàn. Nếu tánh đức chẳng phải duyên, chẳng phải liễu thì đây là chánh nhơn. Nếu tu đức thành tựu; tức là điều này chẳng ngang, chẳng dọc của ba điểm pháp thân. Cho nên rõ Niết Bàn là sở dụng; tức là nói đầu đuôi 8 pháp thành trí đoạn. Mười nghĩa đầy đủ. Điều này trải qua 5 vị, luận lần lượt 10 pháp. Đại khái 4 việc dạy dỗ tức có thể rõ được. Do vậy rõ biết 10 pháp thu lại để xem thì lời dạy ấy kết cuộc có đầu đuôi. Chỉ lược đại ý. Có quán nào mà chẳng nhiếp, có lời dạy nào mà chẳng thu nạp? Ý khí rộng xa, nghĩa lý sâu tột. Trước sau lần lượt thô tế chẳng sai khác. Dùng sự giải thích để sanh khởi ý.

Hỏi rằng: Pháp Hoa trước dạy giống nhau, có 6 ý, sao lại có sai biệt?

Đáp rằng: Hoa Nghiêm 6 ý. Đối với người lợi(căn)thành đề hồ. Đối với người độn(căn)thành sữa. Trong tam tạng, có 3 ý ấy. Đối với người lợi(căn) thì là mật; đến với người độn căn thành lạc. Phương Đẳng 6 ý. Đối với kẻ lợi căn, thành đề hồ; đối với kẻ độn căn thành tô. Bát Nhã có 6 ý. Đối với kẻ lợi căn, thành đề hồ; đối

với người độn căn thành thực tồ. Nếu là Pháp Hoa thì có 8 ý. Đối với kẻ độn căn, thành đề hồ.

Cách giải thích thứ ba là người ấy tức là giả danh, chỗ để thành người. Pháp ấy tức là năm âm, có thể thành pháp. Việc này, người, pháp thông nơi cả phàm, thánh. Sắc, thọ, tướng, hành, thức đều là phàm của pháp kia. Nói rộng ra pháp này có thể thành sanh tử của con người. Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đây là pháp xuất thế. Rộng hơn việc này thành xuất thế thánh nhơn. Cho nên Đại Luận nói rằng: Chúng sanh vô thượng; ấy là Phật. Pháp vô thượng; ấy là Niết Bàn. Tuy dùng thông phàm thánh; nhưng chẳng sai biệt. Những việc ác của thượng, trung, hạ sẽ thành người, pháp của ba cõi. Những việc thiện của thượng, trung, hạ tức sẽ thành ba con đường lành của người, pháp. Cho nên sáu cõi đều khác nhau. Nếu nói rõ ràng chi tiết thì luận cả trăm, ngàn, vạn phẩm. Thánh nhơn, nhơn, pháp lại chẳng giống nhau. Nếu ba tạng có cửa thì xem chúng sanh, ta, người giống như lông rùa, sừng thỏ; rốt cuộc chẳng thể được. Có ngũ âm làm pháp; tức là điều này người không, pháp cũng không. Quán pháp này vô thường sanh diệt, chẳng trụ lại, phát sanh nãan đánh đẳng vị. Tức là điều này nói rộng phương tiện của pháp, thành tựu giống như người hiền giữ đạo. Nếu phát chơn, thành thánh, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ. Pháp tánh rộng bày sắc thức cùng với nơi kia của hành nhơn. Nếu không môn rõ biết thể của thật pháp, nắm lấy thật pháp này, được có cái giả danh của con người. Quán sát ba điều giả phù hư, vào nơi không bình(đẳng). Nãan Đảnh tức là nắm lấy pháp phương tiện, thành giống như người hiền trong đạo. Nếu phát chơn, thành Vô Học, sanh nơi cõi phương tiện. Nắm lấy pháp tánh ngũ âm, thành hành nhơn ở cõi kia. Trừ cả hai cửa của người, pháp thí dụ như đây, có thể rõ.

Trong Ma Ha Diễn(Đại Thừa) làm rõ chỗ người, pháp. Cũng chẳng nói người không, pháp chẳng không. Lại chẳng nói thể ấy có giả tướng, mà quán giả danh, âm nhập cùng với bốn tánh tự không. Cho nên Đại Phẩm nói rằng: Sắc tánh như ngã tánh; ngã tánh như sắc tánh. Bắt đầu từ sơ tâm; kết cuộc nơi hậu tâm. Thường quán người, pháp đều không. Cho nên Đại Luận nói rằng:

Bồ Tát thường quán Niết Bàn hành đạo. Dùng việc quán người không; tức là Liễu Nhơn chủng tử. Luận rằng: Chúng sanh vô thượng cũng như Phật vậy. Phật tức là giác. Giác ấy là trí tuệ. Đầu tiên rõ biết người không, sau đó rõ biết pháp không. Cho nên rõ biết quán người không, là hạt giống của Liễu Nhơn vậy. Quán pháp không là duyên vào hạt giống của nhơn vậy. Đại Luận nói rằng: Pháp Vô Thượng ấy là Niết Bàn. Dùng sanh tử ám, đoạn Niết Bàn ám cùng đồng nhau. Đại Kinh nói rằng: Nhơn diệt thì sắc cũng được thường sắc. Cho đến thức cũng lại như vậy. Đại Phần nói rằng: Lúc Bồ Tát thực hành Bát Nhã thì được Vô Đẳng Đẳng Sắc, Vô Đẳng Đẳng Thọ Tướng Hành Thức. Thường rõ Niết Bàn là pháp Vô Thượng. Pháp này nói rộng ra thành pháp vô thượng của chúng sanh. Hiệu ấy là Phật. Cho nên rõ biết quán pháp không tức là duyên vào chủng tử của nhơn. Dùng quán người, pháp không tức là rõ biết ba loại Phật tánh. Cho nên Đại Kinh nói rằng: Chúng sanh Phật tánh không tức là 6 pháp chẳng lia sáu pháp. Chẳng ấy tức là điều này làm rõ chánh nhơn Phật tánh, phi ám phi ngã. Phi ám cho nên phi pháp. Phi ngã cho nên phi nhơn. Phi nhơn cho nên phi liễu. Phi ám cho nên phi duyên. Cho nên nói chẳng ấy tức là 6 pháp vậy.

Chẳng lia sáu pháp nghĩa là chẳng lia chúng sanh không, mà có liễu nhơn chẳng. Lia ám không mà có duyên nhơn. Cho nên nói chẳng lia sáu pháp vậy. Phật từ khi mới phát tâm quán nhơn pháp đều không. Tức là Phật tánh. Trải qua 6; tức là ngôi vị thành 6; ấy tức là người, pháp. Nay Quan Thế Âm chưa phải là cứu cánh của người, pháp; tức là chúng từng phần của người, pháp. Trước đây đã một lần hỏi đáp; tức là giải thích từng phần vô thượng của người xưng là Quan Thế Âm. Sau đó nột lần hỏi đáp giải thích từng phần rộng về vô thượng pháp; cho nên gọi là Phổ Môn. Nên biết rằng: đó là người, pháp, nhơn duyên vậy. Do đó gọi là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Hai là giải thích về Từ Bi. Bi ấy là mẫn thương; từ ấy là ái niệm. Mẫn cho nên bạt khổ; niệm cho nên dữ lạc. Bồ Tát nếu thường khởi tâm từ bi thì chẳng tịch cố. Do đó hay phát thế lớn, gia trì làm cho kiên cố. Giống như thợ mộc làm nhà cho quan ở, lại phải

trương ung. Nếu chẳng đóng chặt, lại liền rơi đổ xuống. Lời thệ nguyện cũng giống như keo, dính chắc như vậy. Tâm bi thương cảm, đánh bật đi những khổ tập nhờn quả của thế gian, cùng với hai lời thệ nguyện. Cho nên chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện đoạn. Cả hai lời thệ nguyện này từ tâm đại bi khởi lên, dùng lòng từ ái vậy. Muốn cùng với đạo diệt ra khỏi niềm vui nhờn quả xuất thế cùng với hai lời thệ nguyện. Cho nên nói là: pháp môn vô biên thệ nguyện tri, vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành. Hai lời nguyện này từ tâm đại bi khởi lên, mà phía trước làm rõ người, pháp, phạm, thánh chẳng giống nhau. Nay biện giải về từ bi lớn nhỏ lại cũng chẳng khác. Nếu người thực hành tam tạng, quán từng phần sanh lão bệnh tử 8 khổ; tức liền khởi lên thệ nguyện. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Nếu quán từng phần điên đảo kết nghiệp mà khởi lên thệ nguyện thì: Phiền não vô lượng thệ nguyện đoạn. Muốn làm cho chúng sanh quán nhờn quả này vô thường sanh diệt, niệm niệm lưu động. Tu nơi đạo phạm, liền khởi thệ nguyện. Pháp môn vô lượng thệ nguyện tri. Nếu quán chơn đế vô vi làm lý, liền khởi lên thệ nguyện. Vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành. Như từ bi này duyên hữu, tạo nên bốn đế để khởi. Lại nữa Thông Giáo quán lão bệnh 8 khổ như huyền, như hóa. Chúng sanh điên đảo nghĩa là vì chơn thật, liền khởi thệ nguyện. Tham sân si cũng như huyền như hóa. Chúng sanh điên đảo vì thọ não, liền khởi lên thệ nguyện. Quán sắc tức là không và thức cũng là không. Cho nên tham, sân, si cũng không. Phi sắc diệt không sắc tánh tự không (chẳng phải sắc mất, không sắc tánh, tự không). Không ấy lại chẳng thể được, mà chúng sanh chẳng thể; tức là sắc ấy là không; liền khởi lên thệ nguyện.

Lại nữa quán Niết Bàn, nếu có một pháp qua, thì Niết Bàn ấy ta lại cũng nói như huyền hóa, mà chúng sanh lại có Phật đạo. Có thể cầu, liền khởi lên lời thệ nguyện. Đây đại khái là vô sanh tứ đế, khởi lòng từ bi thệ nguyện. Biệt Giáo quán pháp giả danh, sum la vạn tượng. Nên đủ phân biệt hướng dẫn làm lợi ích chúng sanh. Nơi ấy được lắng vào không để chứng. Quán cái quả khổ này chẳng dừng lại ở một loại, liền khởi lời thệ nguyện. Vô lượng khổ là do vô lượng tập. Tập ấy lại vô lượng; cho nên cách trị cũng vô

lượng. Diệt lại cũng vô lượng. Như đây là lời thệ nguyện thì duyên vào giới nội ngoại, khổ tập làm nhơn quả. Vô lượng Tứ Đế mà khởi lên lời thệ nguyện. Viên Giáo thì quán pháp giới viên dung. Bỏ ấy chẳng sai, chẳng thuận, chẳng rõ, chẳng mờ, chẳng sáng mờ; cho nên liền trái lại. Sự trái lại ấy có khổ tập nhơn quả. Trí huệ sáng; cho nên lại thuận. Thuận ấy tức là có đạo diệt nhơn quả. Duyên này nghịch, thuận là nhơn quả, mà khởi lên từ bi, giống như đá nam châm chẳng có tâm tưởng chuyển động hấp thụ sắt. Nay lòng từ bi này chẳng làm cho chúng sanh lấy đó để làm pháp tướng, để làm công việc bạt khổ cùng lạc. Cho nên gọi là vô duyên từ bi vậy. Bồ Tát từ sơ phát tâm tu vô duyên từ bi trải qua 6 tức vị. Nay Đức Quan Âm này là phần chứng của từ bi. Trước đó đã một lần hỏi đáp, làm rõ về đại bi vô duyên bạt khổ này. Một lòng xung danh, liền được giải thoát. Sau đó qua một lần hỏi đáp, từ vô duyên đại từ Phổ Môn cùng với lạc. Tất cả đều làm cho được độ. Cho nên biết rằng dùng đại từ đại bi nhơn duyên; nên gọi là Quan Âm Phổ Môn.

Ba là giải thích về phước huệ, lại cũng có tên là định huệ. Định ấy gọi là tinh ái; huệ ấy gọi là quán sách. Đại Luận nói rằng: Định ái, huệ sách. Trí ấy chiếu sáng tịch tĩnh, chẳng tối, chẳng sáng, như tấm kiếng sáng soi ở nhà cao. Phước đức thiên định thuận hậu riêng phát, như đèn sáng, dầu sạch. Lại cũng nói là mắt, chân đầy đủ, được vào nơi ao trong mát. Ao ấy chính là Niết Bàn. Niết Bàn gọi là hai loại trang nghiêm, trang nghiêm pháp thân. Giải thích về định huệ này, tự có nhiều loại. Tam Tạng dùng quán vô thường, lý ấy làm huệ. Dùng các việc trong Thiên định làm phước. Dùng Định Tư Huệ phát chơn vô lậu cái lý của thiên nhiên. Gọi đây là pháp thân. Nếu là Thông Giáo thì hay dùng thể pháp khác biệt, đối với pháp tách riêng ra như vậy. Nếu là Biệt Giáo thì dùng duyên tu trí huệ cùng với các thiên định. Trợ giúp cho Trung Đạo Pháp Thân. Viên Giáo dùng thật tướng quán để làm huệ. Thật tướng tịch định làm phước. Lý ấy là cùng hiển, chẳng định, chẳng huệ. Gọi là thật tướng pháp thân. Nay Viên Giáo Bồ Tát từ mới phát tâm, tu điều này chẳng hai định huệ, trải qua nơi sáu tức. Cho nên Quan Âm dùng trí sáng soi rõ chỗ khổ. Khổ ấy là điên đảo mê hoặc nơi ấy. Trí huệ là pháp phá hoặc. Cho nên trí huệ hay bạt khổ. Hoa

Nghiêm nói rằng: Lại phóng quang minh, gọi đây là trí tuệ. Lại phóng quang minh gọi đây là không não. Tư Ích(tên của Phạm Thiên) lại cũng như vậy. Thỉnh Quan Âm nói, phóng quang sáng soi, diệt trừ nghi ám. Cho nên đã rõ biết chỗ hỏi đáp trước mà ứng cơ bạt khổ. Đây là do từ huệ trang nghiêm mà có tên. Từ hỏi đáp trụ ở nơi Thủ Lăng Nghiêm mà phổ hiện sắc thân. Chẳng khởi diệt định, hiện uy nghi này. An Thiên một ngàn bài kệ tán thán pháp vương. Cho nên rõ biết Phổ Môn Thị Hiện từ phước đức mà có tên gọi. Tốt ấy là phước, huệ ấy là nhơn duyên; cho nên gọi là Quán Thế Âm Phổ Môn vậy.

Bốn là giải thích về chơn ứng. Chơn ấy gọi là chẳng nguy, chẳng động. Ứng ấy gọi là ưa căn duyên. Tập tạng gọi là thân. Dùng thật tướng trong sạch chẳng nguy, chẳng động làm lý. Tức là có thể gọi theo cơ mà ứng. Giống như kính rộng đối với hình tượng. Điều này là chơn ứng, chẳng được lia tướng. Khổ của ngoại đạo tác ý tu thông; tuy có thể biến hóa. Giống như gạch sỏi ánh sáng chẳng hiện. Há có thể dùng điều này để làm ứng, mà chưa phá 4 trụ để hiển biến chơn lý. Điều sao lăng kia có nơi trung đạo chơn ứng. Nếu là Nhị Thừa biến hóa, tu thông sở đắc, thì đây cũng lại là phi ứng. Giống như hình họa tác ý mà thành, chẳng giống thật. Đại Thừa chẳng phải vậy. Được chơn thật tướng dụ cho được tấm kính sáng. Chẳng nên tác ý pháp giới sắc tượng; tức là đối; tức là ứng. Như kiếng ấy vẽ nên hình tượng cùng với chơn chẳng riêng biệt. Đây là lúc gọi là chơn tịch thân ứng. Bồ Tát từ lúc mới phát tâm trải qua nơi 6 tức. Nay kinh nói như trước việc hỏi đáp đã rõ nơi chơn tịch mà chẳng động pháp giới, lợi ích lớn. Quan Âm từ chơn thân nên được tên. Phía sau hỏi đáp đã làm sáng tỏ tùy theo căn cơ rộng lợi ích, ra khỏi nhiều đa đoan. Phổ Môn là từ ứng thân mà được tên. Do dùng chơn ứng nhơn duyên vậy; nên tên là Quán Thế Âm Phổ Môn.

Năm là giải thích về Dược Thụ Vương thân, như Ý Châu Vương thân. Dược Vương trị liệu khổ họa. Trong Xuất Nại Nữ Kinh cho rằng: Châu ấy là Như Ý Bảo. Nói rộng ra theo các phái là làm rõ việc trị liệu được quý hóa. Nay Ước(Giáo)Viên Giáo đều làm sáng tỏ. Như kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Trên ấy có cây thuốc cùng với

gốc này thâm nhập vào cành lá 4 bên . Góc rễ cành lá tất cả đều bị bệnh cả. Nở hoa, chạm người chẳng phải là chẳng ích gì. Bồ Tát lại cũng như vậy. Dùng Đại Bi để xông thân hình, nghe lợi vật, gọi là Đại Dược Vương. Thân lại như Như Ý. Châu ấy có thể mưa lớn , ngàn trăn bảo tùy ý, mà chẳng cùng, chẳng hết. Bồ Tát dùng đại bi để xông thân, tận cùng với chúng sanh. Niềm vui ấy gọi là Như Ý Châu Vương. Thân này lại ước lượng tức bán vị. Tựu chung như việc hỏi đáp là biến hóa cứu khổ những u ách khổ nạn. Đây là từ thân của Dược Vương dùng để gọi. Từ sau hỏi đáp nói là hợp với sở cầu. Mưa thật tướng mưa, được Niết Bàn lạc. Từ đây thân Như Ý Châu Vương lấy làm tên. Cho nên rõ biết hai thân như duyên gọi là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Sáu là ngậm hiển hai sự lợi ích. Ngậm ấy là ngậm mật hiển, là chướng lộ. Đại Thánh hằng dùng hai sự lợi ích để an tất cả, mà chúng sanh cùng với những gì ở dưới mặt trời chẳng rõ. Cũng giống như mặt trời chiếu trên thế gian, người mù tuy chẳng thấy; nhưng thật thì có cái gì đó có thâm ân. Cho nên trong Dược Thảo Dụ nói rằng: Cây cỏ không biết, không rõ, tuy cùng giống nhau trên mặt đất. Bên dưới chẳng rõ, bên trên ngậm hiển hai sự lợi ích. Như Văn Thù chẳng rõ chỗ tạo ra diệu âm thần lực. Do chỗ không rõ ấy nên gọi là ngậm lợi ích. Điều này như Ước(Giáo)có 6 tức bán vị. Như phía trước hỏi đáp. Chẳng thấy hình thù, tiếng tăm, mật hiển cái gì đó thâm hậu. Gọi đây là ngậm lợi ích. Thánh như chỉ tạo ra việc lợi lạc; tuy chẳng thể hiểu rõ. Thánh(nhơn)muốn khiến cho rõ, còn trùng cũng có thể biết. Như sau đó những câu hỏi đáp rõ ràng thấy sắc thân, được nghe thuyết pháp. Thấy, nghe, chướng, sáng pháp lợi hiển nhiên. Cho nên biết rằng Quan Âm từ việc ngậm lợi ích mà được gọi như vậy. Phổ Môn là từ hiển ích; nên được gọi như thế. Dùng sự ngậm hiển như duyên; cho nên tên là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Bảy là giải thích về quyền và thật. Quyền ấy là tạm dùng; thật ấy là chẳng phải tạm. Lược nói quyền, thật; tức có ba loại. Một là tự hành luận quyền thật. Tự quán trung đạo làm thật; hai quán là quyền. Hai là tựu chung hóa tha luận về quyền thật. Căn tánh kia chẳng giống nhau. Hoặc nói quyền là thật; nói thật làm quyền.

Chẳng thể phán định được, mà đại khái ý kia dùng để làm rõ quyền, thật. Ba là tự hành hóa tha hợp lại làm sáng tỏ quyền thật. Nếu tự quán tam để có quyền, có thật. Tất cả gọi là thật. Hóa tha tùy duyên lại có quyền có thật. Tất cả tên là quyền. Dùng ba nghĩa này trải qua 4 giáo. Lại nữa tự hành, quyền thật làm sáng tỏ 6 tức phán vị. Tìm ý của phẩm này là làm rõ tự hành hóa tha, luận về quyền thật trước. Hỏi đáp từ tự hành hóa tha là thật trí ích vật phía sau. Hỏi đáp từ tự hành hóa tha của quyền dùng làm ích vật. Cho nên rõ biết quyền, thật hơn duyên. Gọi là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Tám là giải thích về Bản Tích. Bản gọi là thật được và Tích gọi là ứng hiện. Nếu ở giữa đường tạo nên Bản Tích thì thế trí phạm phủ, ý chính khó lường. Cho đến Biệt Giáo Bản Tích. Nếu Viên Giáo không có phát tâm ban đầu. Đầu tiên phá vô minh, liền được pháp thân; nên gọi là Bản. Hình dáng cao thấp trăm ức không chừng, gọi đây là Tích. Nếu một qua, bảo là chơn ứng. Nhiều dùng trên mặt đất là chơn, là Bản. Dưới đất là Ứng là Tích. Đất đất truyền tạo lời phán này. Chơn Bản tuy căn cứ ở nơi cao ứng. Tích duy chỉ nơi thấp. Nghĩa này chẳng thể. Nay làm sáng tỏ chỗ Bản Tích tức là cùng với ứng chơn khác nhau. Bản ấy là thật được. Đầu tiên ngồi nơi Đạo Tràng và sơ trụ nơi được pháp thân; tức chính là Bản này. Tích ấy là Phật ở trên đất và làm thượng địa Bồ Tát, tất đều có tên là Tích. Không thể ở bên trên. Đất cao cho nên gọi là Bản. Khởi đầu được sơ trụ mục, lấy làm Tích. Vì sao vậy? Thật ấy chẳng được nơi địa thượng, địa thượng không phải Bản. Thật ấy được nơi hạ địa, hạ địa chẳng phải Tích. Cho nên Thọ Lượng nói rằng: Tùy theo tự ý, tùy theo ý kia, là ý Bản Tích vậy. Tự chung Bản Tích làm rõ 6 tức. Nói chung những câu hỏi đáp ở trước chẳng thể nói rõ, mà ngầm bổ sung cho người trước. Từ bản địa mà được tên. Những câu hỏi đáp phía sau hình thù khác biệt, theo tình huống ứng hiện để độ. Từ Tích địa mà có tên. Cho nên rõ biết hơn duyên Bản Tích; tên là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Chín là giải thích về Liễu Nhon Duyên Nhon. Liễu là hiển phát, duyên là tư trợ. Tư trợ nơi Liễu, Hiển phát pháp thân. Liễu ấy tức là Bát Nhã Quán Trí. Lại có tên là Huệ Hạnh Chánh Đạo Trí Huệ

Trang Nghiêm. Duyên nghĩa là giải thoát. Thực hành hạnh trợ đạo phước đức trang nghiêm. Đại Luận nói rằng: Một người có thể cày, một người có thể trồng. Việc trồng ấy dụ cho duyên; việc cày ấy dụ cho liễu. Thông luận giáo giáo, tất cả đều đầy đủ duyên liễu nghĩa. Nay chính thức làm rõ Viên Giáo hai loại trang nghiêm nguyên nhơn. Phật đầy đủ hai loại trang nghiêm quả. Nguyên nhơn quả này căn bản ấy là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này bốn tự có; chẳng thích hợp với nay vậy. Đại Kinh nói rằng: Tất cả chư pháp, bốn tánh tự không, lại dùng Bồ Tát tu tập không; cho nên thấy các pháp đều không. Tức là liễu nhơn chủng tử, bốn ấy tự có. Lại nói rằng: Tất cả chúng sanh đều có sơ địa vị Thiên. Tư Ích(tên của Phạm Thiên) nói rằng: Tất cả chúng sanh tức diệt tận định. Điều này tức là duyên nhơn chủng tử, bốn tự có. Dùng hai loại phương tiện này tu tập dần dần tăng trưởng. Khởi dậy nơi cuối lông trắng, đặc thành, tu đặc, hợp lại bao quát nơi đại thọ. Ma Ha Bát Nhã Thủ Lăng Nghiêm Định. Đây là một loại chẳng luận về 6 tức, mà tựu chung là nghĩa của căn bốn tánh đức vậy. Phía trước hỏi đáp từ Liễu Chung thọ làm tên. Phía sau hỏi đáp, từ duyên chủng thọ tên. Cho nên rõ Liễu Nhơn, Duyên Nhơn. Do đó gọi là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Mười là giải thích về trí đoạn. Thông đồ ý. Trí ấy tức là hữu vi công đức mãn. Lại gọi là Viên Tịnh Niết Bàn. Nói hữu vi công đức tức là nhơn thời trí tuệ. Nghĩa là có chiếu sáng dùng vào chỗ tu hành; cho nên gọi là hữu vi. Nhơn tuy là vô thường mà quả lại thường. Sắp tới nhơn ấy đến gọi là quả; cho nên nói là hữu vi công đức mãn vậy. Đoạn tức là vô vi công đức mãn; lại có tên là giải thoát. Lại cũng gọi là Phương Tiện Tịnh Niết Bàn. Nói vô vi là Tiểu Thừa mà chấp vào phiền não diệt, vô vi đoạn. Lại lia hư vọng; nên gọi là giải thoát. Đây thật chưa được tất cả giải thoát. Điều này lại là đoạn đức vô thể. Đại Thừa thì có hữu thể đoạn; chẳng chấp diệt, vô vi đoạn, mà chấp vào tùy chỗ điều phục chúng sanh vậy. Ấc chẳng thể nhiễm. Từ việc tự tại, chẳng có trói buộc; gọi đây là đoạn đức. Chỉ cho điều này; gọi là vô vi công đức. Cho nên gọi là tịnh. Chẳng đoạn si, ái khởi lên những điều sáng suốt giải thoát. Lại nói rằng: Đối với những việc thấy bất động mà tu 37 phẩm. Ái kiến là gần. Lại có tên là Như Lai chủng. Cho đến Ngũ

Vô Giác, tất cả đều giải thoát. Không chỗ nhiễm ngại; gọi là tất cả giải thoát. Tức là đoạn đức vô vi vậy. Tịch mà thường chiếu tỏ; tức là trí đức vậy. Tiểu Thừa thân hôi, trí diệt; tức là không có thân này thì cái gì sẽ vào sanh tử? Trong khi đó thì luận điều phục vô ngại vô nhiễm. Trí diệt thì cái gì chiếu sáng tịch tĩnh, như trí này đoạn hoàn toàn; cho nên pháp thân hiển trước. Tức là ba loại Phật tánh, ý nghĩa tròn đầy. Pháp thân đầy đủ; tức là phi nhơn phi quả, chánh nhơn đầy đủ. Cho nên nói ân; gọi là Như Lai Tạng hiển; gọi là pháp thân. Tuy chẳng phải là nhơn; nhưng mà gọi là chánh nhơn. Tuy chẳng phải là quả, mà gọi là pháp thân.

Đại Kinh nói rằng: Phi nhơn phi quả; gọi là Phật tánh. Tức là chánh nhơn chánh quả Phật tánh. Lại nói rằng: Nhơn này phi quả; gọi là Phật tánh. Căn cứ vào tánh đức này duyên liễu, tất cả gọi là nhơn. Lại nói rằng: Quả này phi nhơn nên gọi là Phật tánh. Căn cứ vào điều tu đức này, duyên liễu, tất cả đầy đủ. Liễu ấy chuyển; gọi là Bát Nhã duyên chuyển; gọi là giải thoát. Lại gọi là bồ đề quả. Cũng gọi là Niết Bàn quả. Quả ấy tất cả đều là quả. Phật tánh thông nơi nhơn quả; chẳng ngang chẳng dọc. Tánh đức có ba; nhơn ấy chẳng dọc, chẳng ngang, lúc quả đầy đủ; gọi đây là ba đức. Cho nên Phổ Hiền Quán nói rằng: Nhơn Đại Thừa là các pháp thật tướng. Đại Thừa quả lại là các pháp thật tướng. Trí đức đầy đủ, thản nhiên hay chiếu. Tùy cơ tức là ứng như thời giải thoát; đoạn đức xú xú điều phục. Tất cả làm cho được độ. Trước hỏi đáp, từ trí đức phân ra đầy đủ nhận tên. Những hỏi đáp sau từ đoạn đức phân ra đầy đủ nhận tên. Cho nên rõ biết dùng trí đoạn nhơn duyên; gọi là Quan Thế Âm Phổ Môn.

Hỏi rằng: Mười nghĩa tên gọi thấy ngoài kinh, thì cái nào dùng để giải thích phẩm này?

Đáp rằng: nghĩa của Đại Thừa thông qua các kinh cùng công dụng. Nếu chẳng được như điều này thì Phật tánh ra khỏi Niết Bàn. Ngũ Trụ Nhị Tử ra khỏi Thắng Man. Các Sư nào được lãnh dụng, thông qua các kinh kia. Phẩm này ở câu văn tuy không đủ 10 tên gọi. Tổng cộng sẽ là hai việc vấn đáp chiếm hết 10 ý nghĩa. Cố nhiên

có thể giải. Nay điều này như trước, làm cho riêng biệt câu và câu ấy chứng cho 10 nghĩa kia. Như câu văn nói:

Dĩ hà nhơn duyên danh Quan Thế Âm. Lại nói: Dĩ thị nhơn duyên danh Quan Thế Âm; tức là căn cứ vào tên người.

Câu văn sau nói: Phổ Môn Thị Hiện; tức là làm sáng tỏ pháp.

Hữu như thị đẳng đại uy thần lực đa sở nhiều ích; tức là từ vậy.

Mãn chư tứ chúng ; tức là bi vậy.

Muốn rõ biết trí nơi câu nói thì 19 cách thuyết pháp ấy tức là trí huệ.

Nhứt thời lễ bái đắc vô lượng vô biên phước đức chi lợi; tức là phước đức vậy.

Tự tại chi nghiệp; tức là pháp thân.

Vì sao vậy? Pháp thân đối với tất cả được tự tại. Trí huệ riêng điều này; cho nên tên là nghiệp.

Thọ Lượng nói:Huệ quang chiếu vô lượng, cứu tu nghiệp sở đắc. Uy thần chi lực nguy nguy như thị. Như thị mãn túc chi danh; tức là chơn thân vậy.

Phổ Môn thị hiện thân thông lực; tức là ứng thân.

Du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh; tức là thân của Dược Thụ Vương.

Ư bố úy cấp nạn chi trung năng thí vô úy; tức là thân của Như Ý Châu Vương.

Phước bất đường quyên; tức là ngậm lợi ích.

Tam thập tam thân; tức là hiển lợi ích. Phật thân tức là thật trí. Hiện dư thân ; tức là quyền trí.

Quan Âm thân tức là Bản dư thân; tức là Tích. Lại nữa đại uy thân lực là bốn phương tiện lực, là Tích. Nghe Quan Âm này. Bồ Tát gọi người ấy nếu có nghe được phẩm này; tức là chứng liễu nhơn.

Công đức bất thiếu; tức là duyên nhơn. Chẳng chịu thọ, thường xả hạnh và tức thời quán âm thanh này. Quán đây tức là trí.

Giai đặc giải thoát, chủng chủng điều phục chúng sanh, bát vạn tứ thiên phát tâm đẳng, là sự lợi ích; tức là đoạn vậy. Đệ tứ liệu giản.

Hỏi rằng: Người đối với Quan Âm, pháp đối với Phổ Môn. Phương Đẳng có pháp Phổ Môn Vương Tử; ngọn ở nơi người gọi. Nghĩa này như thế nào, có giống không?

Đáp rằng: Đây là cách làm của tứ cú phân biệt. người chẳng phải pháp, pháp chẳng phải người. Người tức là pháp, pháp tức là người. Nếu dựa theo Hoa Nghiêm là thứ đệ ý địa. Trước việc sanh tử hành nhơn chưa là pháp của thật tướng. Pháp này cũng chẳng phải là người kia. Nếu làm chẳng theo thứ đệ ý thì người ấy chính là thật tướng và thật tướng ấy chính là người. Người và pháp chẳng phải hai vậy. Nếu ba tạng có cửa ngõ làm rõ chỗ vô, giả, người thì thật pháp của pháp này chẳng phải là người. Nếu không môn nắm trọn cả thật pháp, thì thành ra người giả. Người và pháp cả hai đều khác nhau. Nếu điều này chẳng lìa người để luận pháp thì cũng chẳng lìa pháp để luận người. Đây chính là ý của nhị đế; chẳng phải là người, pháp của Trung Đạo vậy. Nếu là Phương Đẳng thì đối với Tiểu(Thừa) làm sáng tỏ cái Đại(Thừa) để luận về người và pháp. Làm rõ chỗ Tiểu giống như tam tạng, làm rõ chỗ lớn giống như Hoa Nghiêm. Bát Nhã Niết Bàn đều thí dụ như thế. Nay trong Phương Đẳng làm rõ Phổ Môn; tức là ý của Đại Thừa. Nay làm rõ Phổ Môn pháp ấy thì làm sao có pháp mà không người. Kẻ kia làm rõ Phổ Môn là người thì cái gì được pháp mà lại không có người. Đây chính là người, pháp hỗ tương tuyên xưng với nhau. Kinh kia là tiêu điểm của người và nơi này là tiêu điểm của pháp

vậy. Giống như Tiêu Thừa làm rõ Thân Tử(Xá Lợi Phát) trí huệ đệ nhất. Ngoài ra những đệ tử khác mỗi mỗi đều thành tựu các pháp môn luận đệ nhất. Bốn dùng trí huệ để đoạn hoặc, phát chơn vô lậu. Ngoài ra người không huệ thì cái gì được vào đạo. Lúc được đạo quả, quả ấy rõ biết có huệ. Nên mỗi mỗi đều tuyên xưng điều này ở ngô ban đầu, riêng gọi là đệ nhất. Ví dụ như mũi nhọn của con dao cắt đồ thì tất nhiên mượn nơi phía sau để lợi dụng. Số lượng ấy giống như con dao và huệ ấy giống như lưỡi dao. Nay nghĩa của Phổ Môn cũng lại như vậy. Do pháp nhơn duyên ấy mà có tên là Phổ Môn. Làm sao mà con người được chỗ vô liễu nhơn. Nay cũng đồng là tên Quan Âm. Điều này được rõ ràng muốn làm cho thế đế chẳng sai, mà còn hồ tương đưa ra tên khác. Như thân đầy đủ 6 căn; nên xưng là tịnh nhãn, tịnh ý. Há được vô dư căn sao? Đó là đơn giản về Từ Bi.

Hỏi rằng: Nếu Đại Bi đánh bạt khổ thì khổ tiêu trừ, liền được an lạc. Đại Bi cùng với lạc lạc; tức là đánh bạt đi sự khổ. Vậy thì ý gì ở hai phần này?

Đáp rằng: Thông thường luận như thế này. Đây là biệt; tức là chẳng phải vậy. Giống như đánh bạt tội nơi ngục. Chưa bỏ được ngũ trần, thân tuy không đau đớn; nhưng căn tình chưa hoan hỷ. Điều này chỉ bạt khổ chứ chưa được cùng lạc. Lại nữa như thí ngũ trần nơi ngục, nhĩ căn tuy vui cũng chưa gọi là bạt khổ. Vì từ nghĩa riêng biệt, mỗi mỗi hiển một bên. Cho nên riêng nói như vậy.

Hỏi rằng: Trong này có ý gì mà chẳng nói về hỷ xả?

Đáp rằng: Tứ vô lượng tâm tên tuy có 4; nhưng mà có 3 nghĩa. Đại Kinh nói rằng: Ưu tất xoa thì Tất Xoa gọi là xả. Xả ấy là cả hai xả; tức là chẳng phải từ, chẳng phải bi, chẳng phải hai ý ấy. Không hai mà là hai; tức là từ bi vậy. Còn hỷ nghĩa là từ lạc sanh hỷ; đầu tiên muốn cùng lạc. Chúng sanh khổ chồng chất; chẳng thể được vui; tức là chẳng có chỗ vui. Nếu đánh bạt khổ rồi; tức là có thể được lạc. Trở lại bốn hòa; cho nên lạc sau đó thêm hỷ. Nếu sau đó chẳng có điều này; tức là chẳng khai mở sự hoan hỷ như vua A Du Gia(A Dục) trong bảy ngày sắp mất. Tuy có niềm vui ngũ dục;

nhưng ưu khổ cột tâm. Lại như một thân, ít bệnh não, có thể chiêm trợn một thân an vui. Cho nên rõ biết khổ chồng chất, thì chẳng được lạc vậy.

Hỏi rằng: Thiên Chi làm sáng tỏ niềm hỷ ở trước và lạc chi ở sau. Lại còn nói gì nữa?

Đáp rằng: Thiên Chi kết cuộc là từ thô nhập vào tế; trong đây hoan hỷ kia được vui; cho nên tâm hỷ tại hậu. Lại nữa ngoại đạo tu bốn vô lượng tự thể thiên định, tạo ra tướng hư ảo là kia không thật ích; chẳng thể làm cho kia bạt khổ được lạc. Chỉ tự hoạch định hư vọng thế pháp. Báo hết lại đọa; chẳng miễn trừ sự khổ. Chính kia đều chẳng lợi ích. Nếu Nhị Thừa tu bốn vô lượng mà hay tự bạt khổ thì nơi kia chẳng ích, tự bạt từng phần, chưa loại trừ sự biến đổi dễ dàng. Thân tro này mất, rõ biết chẳng phải cứu cánh vui. Nay Bồ Tát chẳng phải như vậy. Chẳng phải hạnh của phàm phu, mà cũng chẳng phải hạnh của hiền thánh. Chẳng phải phàm phu nghĩa là chẳng giống với tự thọ thiên vui. Chẳng phải hiền thánh nghĩa là chẳng cùng với tự bạt nơi khổ. Chẳng cùng với tự thọ lạc; cho nên tức là cùng với kia vui. Chẳng cùng với tự bạt khổ; cho nên liền bạt khổ kia. Lại nghĩa là bạt khổ, lại là cùng vui. Tức là cùng với lạc, lại cùng với bạt khổ này. Cho nên phân biệt nói thế nguyện tương đối. Phía trước làm rõ chỗ bạt khổ và sau cùng với lạc vậy. Nói đơn giản về Phước Huệ.

Hỏi rằng: Quan Âm đối với trí, gọi là bạt khổ. Phổ Môn đối với phước thấy được lạc gì?

Đáp rằng: Trí là ánh sáng quang minh chánh đáng trị được các ám hoặc. Hoặc ấy là sanh từ khổ não. Nếu trị được ám hoặc khổ, há chẳng dùng trí để giải thích về ánh sáng. Cho nên gọi người trí huệ ấy là bạt khổ. Pháp ấy là pháp môn; gọi cửa ấy là năng thông. Thông đến Niết Bàn an lạc. Đầu tiên thực tập pháp này là được cái ngon an lạc. Sau đó chứng pháp này là được cái quả an lạc. Cho nên đối với Phổ Môn này làm sáng tỏ điều này cùng với lạc vậy.

Hỏi rằng: Phước huệ cùng nhau, gốc ấy chẳng lia xa. Nếu định mà không có huệ, thì định này gọi là si định. Giống như đũa bé mù cỡi ngựa; chắc chắn rơi xuống hầm hố, điều này chẳng nghi ngờ gì cả. Nếu huệ mà không định thì huệ này gọi là cuồng huệ. Giống như gió lộng mà đèn bị tắt. Đèn tắt thì không thể soi sáng vật được. Cho nên phải rõ Phước và Huệ tương hợp nhau như hai bánh xe đều nhau, mới có thể chạy được. Nếu như vậy thì ý gì dùng trí huệ để bạt khổ, phước đức cùng với lạc?

Đáp rằng: Chính tự phước đức là trí huệ, trí huệ là phước đức. Chính là có phước đức không trí huệ thì trí huệ ấy chẳng phải phước đức. Đại Tiểu Thừa đều bổ sung trong 4 câu. Như lục độ Bồ Tát tu Bát Nhã. Phân Diêm Phù Đề làm 7 phần. Đây là thể trí chẳng thể đoạn hoặc. Đây dụ cho được phước đức nhiếp; liền gọi phước này là trí. Trí này là phước chẳng đoạn hoặc. Nếu kẻ Thanh Văn rõ biết huệ có thể đoạn thì gọi là trí huệ phi phước đức như La Hán đỏi vậy. Nếu phước đức chẳng phải thể trí lại cũng chẳng phải xuất thể trí thì giống như voi trắng vậy. Nếu là Đại Thừa tứ cú thì Biệt Giáo địa tiền 30 tâm hạnh, hạnh ấy gọi là phước đức huệ hạnh, gọi là trí huệ. Huệ này chẳng thể phá vô minh. Huệ này trở lại bị phước đức nhiếp. Chẳng phá vô minh nên phước này là trí huệ phương tiện, trị tướng chấp. Nếu là địa tiền, tất cả gọi là phước đức. Địa thượng tất cả gọi là trí huệ. Trí huệ này chẳng phải phước đức, phước đức chẳng phải trí tuệ. Phương Đẳng Bát Nhã hướng về 4 câu. Nay Phổ Môn này gọi là phước huệ. Phước ấy tức là huệ. Huệ ấy tức là phước. Phước huệ chẳng hai; cho nên Đại Luận nói rằng: như thể tôn, diêu, nhọn; tức có thể thấy Bát Nhã. Huệ này cái nào được vô định, được Thủ Lăng Nghiêm Định, cái gì gặp vô huệ. Luận nói rằng Kiến tướng tam muội có thể phá cường địch. Đại kinh nói rằng: Phật tánh có 5 loại để gọi. Lại gọi Bát Nhã, lại gọi là Sư Tử Hống. Lại gọi Thủ Lăng Nghiêm; lại gọi Kim Cang Phật tánh v.v... tức là định huệ đầy đủ cách gọi vậy. Phi thiên chẳng huệ; phi huệ chẳng thiên. Thiên huệ chẳng hai. Chẳng hai mà hai. Phân môn biệt thuyết, tạo ra hai cách giải thích về định huệ. Cho nên Thích Luận giải Bát Nhã làm rõ 18 tướng không. Giải Thiên Định làm rõ 108 Tam Muội. Đây là hai nói hai; tức là chẳng phải hai. Nói đơn giản như vậy.

Lại có 4 câu đặc thù, phi chơn phi ứng. Ứng mà phi chơn; chơn mà phi ứng. Lại chơn lại ứng. Nếu phi chơn phi ứng thì điều này tựu chung lý ấy có thể giải được. Lại là phạm phu; chẳng thấy lý; cho nên phi chơn vô dụng; nên phi ứng. Điều này có thể giải ứng mà phi chơn. Ngoại đạo lại được ngũ thông, cùng với kia thí hóa. Thông(Giáo)luận lại được là ứng ấy mà được gọi là chơn. Chơn mà phi ứng. Người Nhị Thừa nhập vào chơn, đoạn kết(sử). Thân tro mắt, rõ biết chẳng thể khởi ứng. Điều này lại là Thông, luận về chơn này vậy. Lại chơn lại ứng. Đây tức là biệt hiển trung đạo vì chơn; tức chơn ấy mà luận, dùng làm ứng chơn, ứng bất nhị. Bất nhị mà nhị; cho nên nói chơn ứng vậy. Nay nương vào câu văn cùng đưa ra một lời về chơn ứng này. Trước đã lần lượt hỏi đáp làm rõ chơn thân thường lợi ích. Sau đó cũng đã làm rõ việc hỏi đáp về ứng thân lợi ích này. Thường thì thời gian chẳng thể tương ly, như hai con chim đều tán mát. Hai vãng làm luận chơn thân lại hằng hữu, lại cũng chẳng hằng hữu. Ứng thân lại cũng gián tiếp mà cũng chẳng gián tiếp. Nếu Tiểu Thừa làm rõ nghĩa; thí dụ như sự tốt đẹp của đá trong hang động, quán không, thấy pháp thân Phật. (Tỳ Kheo)Ni Liên Hoa lại chẳng thấy. Điều này há chẳng phải trong Tiểu Thừa chơn thân hằng có nghĩa ích lợi mà cũng chẳng hằng ích lợi. Đo 6 phép ứng lại thấy, lại chẳng thấy. Điều này há chẳng phải ứng thân có nghĩa gián đoạn và không gián đoạn. Đại Thừa Pháp Thân lại cũng như vậy. Đối với lý là hằng hữu ích. Đối với tình thì chẳng hằng hữu ích lợi. Ứng thân lại cũng như vậy. Cái duyên diệt này cùng với duyên hưng khởi kia chẳng có đoạn tuyệt; đây cũng chẳng phải nghĩa gián đoạn. Cùng tính chất, khác chỗ thấy trong vấn đề ý nghĩa của thời gian này. Nay mới phân biệt. Như một lần hỏi đáp phía trước thuộc hằng hữu ích lợi, lần hỏi đáp sau thuộc chẳng hằng hữu ích lợi vậy. Nói đơn giản về Dược Châu hai thân. Thuốc có công dụng làm cho bệnh bớt khổ. Lại làm cho toàn thân mệnh được tăng trưởng, có công dụng tốt đẹp. Cho nên Kinh nói rằng: Nếu toàn thân mệnh được như điều này thì đều tốt đẹp. Vua Như Ý Châu chẳng hằng làm mưa quay, lại cũng có thể trừ bệnh. Cho Thái Tử vào trong biển lớn lấy được châu báu, trở lại trị bệnh đau mắt của cha mẹ. Đại Phẩm nói

rằng: Nếu mắt người bệnh đắp ngọc châu lên trên thân bệnh, liền tiêu trừ bệnh tật; cho nên rõ biết đều thông qua hai nghĩa ấy. Nếu đưa ra riêng biệt một bên thì ước chừng trừ họa, dùng dụ về thuốc để chứng được niềm vui, hưởng gì là châu báu nữa. Đại khái là làm rõ cho cả hai. Phàm có 36 câu. Đại khái quyền thật nhị trí. Trước hỏi đáp về thật trí chiếu chơn, mà chúng sanh được giải thoát. Quyền trí chiếu giả, mà chúng sanh được độ. Độ ấy là độ quyền; lại độ ấy đối với thật. Thoát ấy là thoát chơn; lại thoát ấy đối với giả. Giải đáp này lại đầy đủ 4 câu. Hoặc nhơn chơn trí giải thoát nơi quyền. Bảy nạn tiêu trừ, hai câu nguyện mãn là vậy. Hoặc nhơn chơn trí giải thoát nơi thật. Ba độc đều lìa khỏi điều này. Hoặc nhơn quyền trí được độ nơi thật. Ba mươi ba thân được độ là đây vậy. Hoặc nhơn quyền trí được độ nơi quyền. Đối với sự sợ hãi liền cứu hộ, được chẳng sợ. Hoặc cả hai đều được độ thoát. Nay nương vào nửa câu văn đều ra khỏi một bên. Văn trước ra khỏi quyền, văn sau đến chỗ thật.

Nói đơn giản về Bản Tích. Thông thường luận về Bản Tích đều có thể bạt khổ cùng với niềm vui. Cho nên Thọ Lượng nói: Nghe Phật Thọ vô lượng, được thanh tịnh vô lậu, vô lượng quả báo; liền từ Bản mà được vui. Thỉnh Quan Âm rằng: . Hoặc du hí nơi địa ngục lấy tâm đại bi thay việc thọ khổ. Điều này là từ Tích bạt khổ. Chúng sanh chẳng đến được Bản ban đầu, sau đó lưu chuyển khổ não. Nếu rõ biết cái lý của Bản; tức là đối với sự khổ ấy mà được giải thoát. Chúng sanh nếu chẳng thấy trong Bản thí hóa. Chẳng có thể ba loại phước của ba nghiệp, liền chẳng phải là nhơn của công đức. Sao đến được quả vui. Phi Bản không dùng Thù Tích; phi Tích thì không dùng hiển Bản. Phía trước hỏi đáp để làm rõ Bản Tích này. Hỏi đáp phía sau cũng làm rõ Bản Tích này.

Hỏi rằng: Bản Tích cùng chơn ứng nói khác nhau những gì?

Đáp rằng: Chơn Ứng cuối cùng biện giải chuyện qua trong đời, như các Kinh đã nói rõ. Còn Bản Tích tựu chung luận về ba đời như Thọ Lượng đã nói. Đơn giản là do duyên vậy.

Hỏi rằng: Duyên Liễu ấy tức có tánh đức thiện lương lại có tánh đức ác chẳng?

Đáp rằng: đều đầy đủ cả.

Hỏi rằng: Xiển Đê và Phật đoạn những gì về thiện ác?

Đáp rằng: Xiển đê đoạn những việc lành mà hằng có tánh thiện. Phật đoạn các việc ác hằng có tánh ác.

Hỏi rằng: Tánh đức thiện ác những gì chẳng thể đoạn?

Đáp rằng: Tánh thiện ác thường là những pháp môn của thiện ác. Tánh ấy chẳng thể sửa đổi trải qua ba đời, chẳng ai có thể đầy đủ. Lại chẳng thể đoạn hoại. Ví dụ như ma tuy thiêu đốt kinh sách thì làm sao mà tánh lành của pháp môn hết được. Khác hơn, khiến Phật thiêu hủy ác lại chẳng thể làm cho pháp môn ác hết sạch. Như nhà Tàn đốt kinh điển để chống Nho, há có thể làm cho thiện ác đoạn hết sao?

Hỏi rằng: Xiển đê nếu chẳng đoạn mất giống lành thì trở lại có thể làm cho tánh thiện khởi chẳng. Phật chẳng đoạn tánh ác thì có thể làm cho ác khởi chẳng?

Đáp rằng: Xiển đê chẳng thể đạt được tánh thiện. Dùng sự chẳng đạt ấy; cho nên trở lại làm thiện bị nhiễm ô. Tu thiện làm khởi lên rộng rãi việc trị lại việc ác. Phật tuy chẳng đoạn tánh ác mà có thể đạt được ở nơi sự ác. Dùng việc đạt sự ác ấy; cho nên đối với ác thật tự tại. Do chỗ chẳng làm ác; nên chỗ nhiễm tu ác chẳng khởi. Cho nên Phật vĩnh viễn chẳng trở lại việc ác. Do sự tự tại ấy; cho nên rộng dùng các pháp môn ác để hóa độ chúng sanh. Cuối cùng việc dùng ấy cuối đời chẳng nhiễm. Chẳng nhiễm cho nên chẳng khởi. Cái gì được dùng như ví dụ của Xiển đê. Nếu là xiển đê mà có thể đạt được điều thiện ác này, thì chẳng thể gọi là nhứt xiển đê nữa. Nếu nương vào người khác làm rõ nhứt xiển đê đoạn việc thiện hết, làm A Lê Da (Thánh Giả) rõ biết chỗ huân tập, lại có thể khởi thiện. Lê Da tức là vô ký, vô minh. Thiện ác nương vào giữ

làm tất cả chúng tử. Xiển đề chẳng dứt vô minh, vô ký; cho nên trở lại sanh thiện. Phật đoạn trừ vô ký vô minh, hết không thể huân tập; cho nên ác ấy chẳng sanh trở lại nữa. Nếu muốn dùng ác để độ vật, hằng tạo thân thông biến hóa, hiện độ chúng sanh vậy.

Hỏi rằng: Nếu Phật Địa đoạn ác tận, tạo ra thân thông, dùng ác hóa vật; điều này tác ý mới có thể khởi lên việc ác; giống như người ban đêm đối với màu sắc chẳng thể nhận rõ; giống như kính sáng chẳng thể ảnh hưởng màu sắc của chính hình hài. Có thể điều này chẳng thể nghĩ bàn, lý ấy có thể ứng với ác. Nếu tác ý thì kẻ ấy cùng với ngoại đạo khác gì nhau?

Đáp rằng: Nay làm rõ xiển đề chẳng đoạn tánh đức thiện, gặp duyên lành liền phát. Phật lại chẳng đoạn tánh ác, cơ duyên chỗ lực từ mạnh chỗ huân tập; nên vào A Tỳ cùng với tất cả các việc ác để hóa độ chúng sanh. Do có tánh ác; cho nên gọi là chẳng đoạn. Lại chẳng tu ác; nên gọi là chẳng thương. Nếu tánh tu đều tận; tức là đoạn chẳng được, mà chẳng đoạn chẳng thương. Xiển đề lại cũng như vậy. Tánh thiện chẳng đoạn lại sanh thiện căn. Như Lai tánh ác chẳng đoạn, lại có thể khởi ác. Tuy khởi nơi ác mà là tâm ấy vô nhiễm. Qua khỏi chỗ ác rồi; tức là thật tế. Có thể dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát. Lại chẳng trói buộc, chẳng thoát khỏi việc làm nơi phi đạo, thông đạt Phật đạo. Xiển đề nhiễm mà chẳng đạt cùng với điều này lại khác vậy. Đơn giản rõ biết sự đoạn trừ. Điều này là một pháp khác; gọi là chẳng được tương ly. Như người một thể, vì saotừ trí bạt khổ; từ đoạn cùng lạc. Nhưng mà tâm huệ giải xung trí. Không có chướng ngại trói buộc thân thì gọi là đoạn. Dụ như người bị cột chặt, dùng lực thuộc trí cùng với ngoại lực phụ vào thuộc đoạn và vận lực thuộc tâm. Cho nên nói rằng trí huệ trang nghiêm. Phụ đoạn thể tán thuộc về sắc thân; gọi là phước đức trang nghiêm. Nay kinh vẫn nói chẳng được trong một lúc. Do vậy cùng nhau đưa ra trí đoạn. Nếu thấu rõ được 10 ý nghĩa này thì giải được cả ngàn điều, rộng nói nghĩa của Quan Thế Âm Phổ Môn; tức là chẳng thể cùng tận.

Phần thứ hai riêng giải thích về tên gọi làm hai. Đầu tiên làm rõ Quan Thế Âm; kế đến làm rõ Phổ Môn. Vì nhân duyên gì mà gọi

là Quan Thế Âm? Thông Giáo giải thích như phía trước. Biệt giáo thì dùng cảnh trí nhơn duyên cho nên gọi là Quan Thế Âm. Sao gọi là cảnh trí? Cảnh trí đây lại có hai. Một là tư nghi cảnh trí. Hai là bất tư nghi cảnh trí. Tư nghi cảnh trí lại có hai. Một là theo lý bên ngoài;; hai là theo lý bên trong. Lý bên ngoài lại có 4. Một là thiên nhiên cảnh trí. Chỉ hỏi cảnh này vì sẽ do cảnh; cho nên cảnh do trí, do cảnh. Trí này sẽ do trí; cho nên trí do cảnh, do trí. Nếu do cảnh; cho nên cảnh, cảnh này là cảnh. Cảnh ấy tức là tự sanh cảnh. Nếu trí do trí thì trí ấy lại là tự sanh trí. Tự sanh gọi là tánh tự như thế. Chẳng phải Phật, Trời, người làm được. Chiều sáng cùng chẳng chiều sáng hằng là cảnh trí. Cho nên gọi là thiên nhiên cảnh trí.

Hai là làm rõ tướng chờ đợi. Nếu cảnh chẳng tự là cảnh; nhơn trí cho nên cảnh. Trí ấy chẳng tự là trí; nhơn cảnh cho nên trí này tức là sanh ra nghĩa kia. Vì sao như vậy? Cảnh tự sanh cảnh; liền xung là tự. Do cảnh vọng trí. Trí tức là kia. Nay cảnh từ trí sanh há chẳng phải cảnh kia? Trí lại như thế ; cho nên gọi là tương đãi.

Kế đến làm rõ cái nhơn, duyên cảnh trí. Nếu cảnh mà chẳng do trí, mà cảnh lại chẳng do cảnh; cho nên cảnh. Trí cảnh nhơn duyên cho nên cảnh. Trí lại như thế. Đây tức là cảnh trí nhơn duyên cùng sanh ra nghĩa này. Cùng sanh ấy có hai, quá đọa tự tha tánh trung. Kế đến là tuyệt đãi làm sáng tỏ cảnh trí. Chẳng phải cảnh chẳng phải trí mà nói cảnh trí. Điều này tức là lia cảnh lia trí, chẳng nhơn duyên mà biện tài ra cảnh trí. Đây là vô nhơn duyên sắc đãi. Từ nhơn duyên trên chẳng thể được, hà huống là vô nhơn duyên. Một vãng nghĩa là tuyệt lý mà cuối cùng chẳng thành tuyệt đãi. Gồm cả lý ngoại hành tâm này, vọng tướng tính toán. Cho nên Trung Luận nói rằng: Các pháp chẳng tự sanh; lại chẳng từ kia sanh; chẳng cùng, chẳng không nhơn. Cho nên nói vô sanh. Sao được như trước 4 loại. Kế chấp là thật dư vọng ngữ. Tánh thật của chấp về thấy, ái sanh chấp 98 sử. Khổ tập hóat nhiên lưu chuyển chẳng dùng. Vì sao chấp này mà sanh khổ tập? Đọa chấp một loại cảnh trí; nghĩa là dùng lấy đây. Đọa thuận tán thân tâm tức là ái trước mà sanh hoan hỷ. Tức là tham sử. Nếu người sai nghịch trách tâm vui; tức là do phần nộ mà sanh sân nhuế; tức là sân sử. Tham nhuế

liền khởi há chẳng phải si sử. Ta giải cảnh trí này, chỗ kia chẳng giải như chỗ sở chấp đây xác lác nơi người, há chẳng là mạn sử. Liền chấp điều này là như vậy. Nay tuy chẳng nghi, sau sẽ nghi lớn, há chẳng nghi sử là gì. Ta rõ biết giải pháp này. Trong pháp ấy tính toán, ta há chẳng là thân kiến. 62 kiến theo đó rơi vào một bên; há chẳng là biên kiến. Như đây vọng chấp; chẳng gặp đạo lý; há chẳng là tà kiến. Chấp điều này là thật; cho là Niết Bàn; há chẳng phải kiến thủ quả dật. Nghĩa là lấy đạo này nương vào để tiến hành; há chẳng phải giới thủ nhơn dật. Mười sử ấy tất cả đều nằm trong sở chấp cảnh trí bên trên khởi. Sẽ trải qua ba cõi bốn đế; tức là có 88 sử. Tự chung suy nghĩ trải qua ba cõi; tức là có 98 sử. Đây là tập đế kết nghiệp, điên đảo hoá thiên. Sau đó mới đến quả khổ sanh tử chẳng gián đoạn. Nơi cảnh trí này chẳng rõ biết khổ tập. Nơi nào có đạo diệt. Tức chẳng rõ tứ đế; liền phá thế gian, xuất thế gian nhơn quả. Vô thế xuất thế pháp; cho nên chẳng pháp nào thật. Chẳng rõ biết quả xuất thế, chẳng Phật thật. Chẳng rõ xuất thế nhơn; nghĩa là chẳng có hiền thánh tăng bảo. Tất cả đều mất đi. Nếu tạo chấp như thế này thì tự sanh cảnh trí. Chỉ có kết cấu sinh tử. Tăng trưởng kết nghiệp, sai trái thật nhiều. Nếu chẳng phải lý ngoại cảnh trí, liền sẽ làm lý bên ngoài như thế nào? Cho nên Đại Luận nói rằng: Phạm phu nói ba loại. Kiến mạn là chữ. Thánh nhơn chỉ nói một loại. Gọi là chữ. Nay phạm phu kiến mạn chấp trước ngoa nói lời Phật. Dùng ca ngợi chấp trước về lý, thành ra tranh luận. Tuy phỉ báng kinh luận lại dẫn chứng văn tự. Như trùng khọt thân cây, ngẫu nhiên thành chữ. Thật tâm mà tìm thì chẳng thể giải thích chữ hay chẳng phải chữ. Miệng nói cảnh trí; nhưng chẳng rõ cảnh trí. Lấy sự chẳng giải thích được ấy như phục cam lồ. Tức là dùng cảnh trí để khởi lên việc thấy thân mệnh bị thương sớm yếu. Cho nên Long Thọ phá chỗ ấy. Nay chẳng thủ lấy điều này vì cảnh trí dùng giải thích Quan Thế Âm.

Tự sanh cảnh trí liền như thế, trừ ba câu lại như vậy. Hai là làm sáng tỏ cái lý tư nghi nội cảnh trí. Lại tạo ra bên trên 4 cửa. Danh tự tuy đồng quán trí thuần thực, chẳng sanh chấp kiến. Đầy đủ cho nên chẳng tạo cái mới, thành phương tiện đạo. Phát sanh nãn đánh cho đến 16 tâm nhãn trí minh giác. Thông suốt rồi được ngộ, phá những kiến hoặc cùng lý tương ưng. Giống như người mù lấy

kim chích vào võng mô rõ ràng là chẳng nói bậy bạ. Đây chính là chơn quán; gọi là trí. Cái lý chỗ chiếu ấy gọi là cảnh. Dùng phát vô lậu; cho nên xưng là lý nội cảnh trí. Tuy thấy lý này; chung cuộc là tạo ý nhập chơn. Cho nên gọi là tư nghi cảnh trí vậy. Nay làm rõ Quan Thế Âm lại chẳng từ cảnh trí nhơn duyên này mà được gọi tên.

Thứ đến làm rõ bất tư nghi cảnh trí. Nếu tự, tha cùng với vô nhơn, sánh với bốn câu, đều chẳng phải cảnh trí. Nay các kinh luận làm sáng tỏ hoặc từ tự sanh, tha sanh, cộng sanh, vô nhơn v.v. Nếu chẳng phải vậy thì vì sao biện giải cảnh trí được?

Đáp rằng: Trong kinh đã rõ ràng rằng tất cả Tứ Tất Đàn(thành tựu) giúp duyên giả danh tự để nói; không có 4 tánh chấp. Nếu người vui nghe tự tại cảnh trí; tức là nói cảnh ấy là tự cảnh trí, là tự trí. Dùng chỗ đã đến này, tâm mong mỗi vui mừng. Hoặc lúc tuyên nghe, tự giác, tự tri; nghe tất sanh thiện. Hoặc có lúc đối trị, nói tự sanh cảnh trí. Nói ấy tất phá hoặc. Có lúc nói này làm cho liền ngộ đạo. Nếu không có Tứ Tất Đàn ích(4 sự thành tựu lớn) thì chư Phật Như Lai chẳng phải chẳng thuyết pháp. Tuy tạo ra 4 cách phá hoặc vào đạo; cho nên gọi là vì trí. Trí này chiếu sáng; nên gọi là cảnh. Như thế thông đạt, liền rõ biết khổ tập đạo diệt. Tam Bảo Tứ Đế đương nhiên đầy đủ. Nếu dùng trí chiếu cảnh, nhập không thủ chứng, trở thành chơn đế, lý nội tư nghi cảnh trí, như trước đã nói. Nếu chẳng dùng quả để chứng. Rõ biết cảnh trí này thường có tên chữ gọi là cảnh trí. Chữ này chẳng ở trong, ngoài, giữa. Chữ này chẳng ở yên, lại chẳng phải chẳng ở. Chữ này không sở hữu. Tuy tạo 4 câu làm sáng tỏ cảnh trí thật, chẳng phân biệt 4 câu cảnh trí. Tuy tạo 4 câu văn cảnh trí, thật chẳng được 4 câu cảnh trí. Tuy thể đạt 4 câu cảnh trí, thật chẳng tạo 4 câu tư nghi cảnh trí. Ngôn ngữ đạo dứt, tâm hành xứ mất. Chẳng thể 4 câu tư duy mong qua; cho nên gọi là bất tư nghi cảnh trí. Kim Quang Minh nói rằng: Bất tư nghi trí chiếu bất tư nghi cảnh trí này đầy đủ như trong Đại Bản Huyền Nghĩa Cảnh Trí Diệu nói rộng. Long Thọ đầu tiên phá một khác thời gian, tuy nhiên sau lại giải thích nghĩa của NHƯ THỊ NGÃ VẤN; nay loại này trước phá lý ngoại cảnh trí, sau làm sáng tỏ bất tư nghi Tứ Tất Đàn(bốn thành tựu). Nghĩa của Tất Đàn như

nghĩa của Đại Bồn Huyền. Phàm nương vào tên để làm phương tiện. Nên trước tiên làm rõ cách quán trí; thứ đến biện giải âm thanh của cảnh đời. Nếu giải nghĩa làm phương tiện thì trước làm rõ thế cảnh; kế đó biện giải quán trí. Như trước đây có cảnh có thể được luận quán. Nếu chưa có cảnh thì lấy chỗ nào có thể quán; giống như cảnh của cái trống, phía sau là đánh trống. Nay từ nghĩa phương tiện; trước làm rõ âm thanh thế gian, sau luận về quán trí. Thế ấy lại chia làm ba. Một là ngũ âm thế gian; hai là chúng sanh thế gian; ba là quốc độ thế gian; liền có thật pháp; tức có người giả. Giả thật hình thành; liền có chỗ nương tựa. Ấy gọi là ba loại thế gian. Thế này cách biệt; tức là thế của 10 pháp giới; lại là 10 loại ngũ âm; 10 loại giả danh; 10 loại y báo. Cách biệt chẳng đồng; cho nên gọi là thế vậy.

Thời gian là thời gian sai biệt. Ba mươi loại thế gian sai biệt, không tướng hỗn loạn; cho nên gọi là gian. Mỗi mỗi đều có nhơn; mỗi mỗi đều có quả; cho nên gọi là pháp; mỗi mỗi có cương giới phân biệt rõ ràng. Nay thành một pháp giới; lại có 10 pháp. Cho nên như vậy tướng tánh cứu cánh. Mười giới tức là 100 pháp. Mười giới tướng hỗ tương liền thành 1.000 pháp. Như vậy các pháp tất cả đều là nhơn duyên sanh pháp. Lục đạo là hoặc nhơn duyên pháp; Tứ Thánh là giải nhơn duyên pháp. Đại Kinh nói rằng: Vô lậu lại có nhơn duyên. Nhơn ấy mất vô minh; tức là chúng Tam Bồ Đề. Là những nhơn duyên pháp; tức là Tam Đế. Nhơn duyên sở sanh pháp ta nói; tức là không. Lại gọi là giả danh; lại gọi nghĩa là Trung Đạo. Cho nên làm rõ 10 loại pháp giới; 30 loại thế gian; tức là chỗ quán cảnh vậy. Cảnh này lại có hai. Đó là tự, tha. Tha ấy nghĩa là chúng sanh Phật. Tự ấy là tâm đầy đủ; như kinh Hoa Nghiêm nói: Tâm như người họa khéo, tạo đủ loại ngũ âm. Tất cả trong thế gian; không gì là không do tâm tạo.

Hỏi rằng: Tự tha kia được mỗi mỗi đầy đủ 10 pháp giới chăng?

Đáp rằng: Quán thật tướng của thân, quán Phật lại cũng như thế. Hoa Nghiêm nói rằng: Tâm như vậy, Phật cũng như vậy. Tâm Phật và chúng sanh là ba vô sai biệt. Há chẳng phải mỗi mỗi đều đầy đủ

ba để cảnh sao. Âm ấy tức là 10 pháp giới, cơ hội của khẩu nghiệp vậy. Giới ấy tức chẳng đồng với âm, lại có sai biệt.

Hỏi rằng: Chúng sanh mỗi mỗi có ba nghiệp và với ý gì mà thường Quán Âm?

Đáp rằng: Như Thông(Giáo)luận rằng tất cả đều được. Thường niệm cung kính, được lia ba đức; tức là Quán Thế Âm. Lễ bái cúng dường sở cầu nguyện mãn; tức là thân Quán Thế , mà nay gọi là Quán Thế Âm. Cụm dịch nghĩa này chia làm 6.

Một là thú lập. Tất cả những tên chẳng thể phiên đưa ra một hướng để làm tiêu điểm cho tên gọi. Nếu xưng là thân Quán Thế thì trở lại thắc mắc lời nói này. Ý gì chẳng gọi là Quán Thế Âm; tức điều này chẳng phải hỏi.

Hai là tùy tục. Đức Thích Ca đã nói dùng âm thanh để làm Phật sự; cho nên gọi là Quán Thế Âm. Nếu đi đến những nơi khác thì tùy theo kia mà tuyên dương.

Ba là Hổ Cừ; có thể quán chỗ quán. Chỗ quán tức là sắc tâm của chúng sanh vậy. Nay từ đó có thể quán; cho nên thường nói là quán. Có thể nghe chỗ nghe. Có thể nghe tức là lỗ tai rõ biết của Thánh Nhơn. Chỗ nghe ấy là âm thanh của chúng sanh, làm cho chỗ chấp nghe âm thanh ấy. Đưa ra chỗ nghe được, có thể nghe. Đưa ra có thể quán được chỗ quán. Từ đây cho nên gọi là Quán Thế Âm.

Xưa hỏi rằng: Năng sở tức như vậy thì chẳng thủ cái gì? Tâm sắc sở quán có thể nghe bằng nhĩ thức. Dùng tiêu điểm ấy gọi là Bồ Tát nghe sắc tâm sao?

Xưa đáp rằng: Bồ Tát nhứt quán nơi sắc tâm này và đây là nên nói rộng. Một âm của chúng sanh; đây là cơ hẹp. Nếu từ sự lia bỏ; tức là cơ ấy có hai chữ; nên là một chữ. Liên đây là ứng với cơ hẹp, cơ rộng; cho nên chẳng như chỗ khó. Nay lại tạo khó. Tiếng này nên từ nghĩa lý được tạo thành chữ. Bồ Tát hay quán sắc tâm thì với ý

gì chẳng thể quán âm thanh? Chúng sanh với ý gì thường dùng âm thanh để cảm sắc tâm mà chẳng thể cảm được? Nếu điều này đầy đủ cảm, đầy đủ ứng, thì chữ này làm sao?

Quán ấy tức là cảm ứng vi tế. Nếu vì một nữa thì điều này có nghĩa rộng, hẹp. Nay chẳng tạo ra điều này để làm sáng tỏ hổ tương, đưa ra việc phạm thánh cảm ứng. Tất cả đều trải qua ba nghiệp, mà Thánh Nhơn cùng với ý của phạm phu cùng với âm thanh. Cho nên nói là Quán Thế Âm vậy.

Bốn là Nghĩa Nhiếp. Như khi phát ra tiếng thì tất nhiên đầu tiên là ý giả, khí thuộc về miệng mà âm thanh này xuất ra. Khẩu nghiệp nếu thành; tức là nhiếp được thân ý. Nếu quán nơi khẩu nghiệp, lại nhiếp được thân ý. Quán khác đi, chẳng phải; cho nên nói là nghĩa nhiếp.

Năm là ẩn hiển. Thân tuy lễ bái; ý tuy ở tư tưởng; chưa rõ về đâu; cho nên nói là ẩn. Nếu khẩu âm tuyên dương việc ý nghĩa; tức chướng ngại; cho nên nói là hiển. Cử hiển, một ẩn(đưa cao và lặn xuống); cho nên gọi là Quan Thế Âm.

Sáu là Nan dị. Lâm nguy tại ách. Ý tức có 10 niệm khó thành thân; tức là bái nguy trì đốn. Khẩu xưng vì nguy cấp cho nên thành cơ. Từ dễ ấy nhận tên. Lại nữa phần thứ sáu này vì có duyên. Quan Âm xưa kia vì phạm phu, ở cảnh giới Tư Nhân, thấy khổ nên phát thế nguyện. Nay sanh ở Tây Phương, trở lại cõi này nhiều lần. Do có lời thế nguyện, với duyên ấy nên được gọi tên. Nay làm sáng tỏ. Nếu như phía trước 6 nghĩa ấy tất cả đều đưa ra có chỗ phiền diện thì nương nơi luận để giải thích nghĩa này; tức liền đầy đủ. Vì sao vậy? Hơi thở ra vào thân, hành giác quán là khẩu hành, thọ ấy là tâm hành. Tâm giác quán; cho nên thường đầy đủ ba nghiệp. Hà huống là phát âm ra âm thanh mà chẳng đầy đủ ba nghiệp sao? Thường đưa ra một quán; tức là bổ sung cho ba ứng; thường đưa ra một âm; tức là bổ sung cho ba cơ, mà phạm tình ý nghĩa của lượng nghe ấy rõ biết được lợi lạc, tùy vật mà nêu tên. Đây đủ ý nghĩa đã trình bày; tất nhiên hoàn hảo.

Quan Âm Huyền Nghĩa quyển thượng(hết)

Dịch xong phần trên vào ngày 17 tháng 7 năm 2013 tại thư phòng chùa Viên Giác nhân mùa An Cư Kiết Hạ Phất Lịch 2557 năm.

QUAN ÂM HUYỀN NGHĨA (quyển hạ)

Đời nhà Tỳ, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

Môn nhơn Quán Đảnh ghi lại (bằng chữ Hán)

Sa Môn Thích Như Điển Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ chữ Hán sáng tiếng Việt tại thư phòng chùa Viên Giác ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Phần thứ hai là làm sáng tỏ chữ Quán. Lại chia ra làm hai. Một là kết thúc cảnh của Thế Âm. Hai là làm sáng tỏ trí tuệ của năng quán. Kết cảnh ấy có 6. Một là kết 10 pháp giới là nhơn duyên cảnh. Hai là Tứ Đế cảnh. Ba là ba đế cảnh. Bốn là nhị đế cảnh. Năm là nhất thật đế cảnh. Sáu là vô đế cảnh. Những điều này hiện ra đầy đủ nơi Đại Bản Huyền Nghĩa. Thứ hai là làm làm sáng tỏ việc quán trí. Bằng cảnh làm sáng tỏ trí, tạo 5 lượt, soi tỏ quán trí. Chung nhơn duyên; tức là 4 chỗ nhơn duyên luận quán. Tứ Đế lại có 4 loại luận quán. Tam Đế có hai loại luận quán. Nhị đế có 7 loại luận quán. Một thật đế tức là một luận quán. Không đế tức là vô quán. Như vậy những nghĩa này đầy đủ ở Đại Bản.

Nay Ước (Giáo) tam đế làm sáng tỏ chỗ quán. Nếu Thông (Giáo) luận về 10 pháp giới tất cả đều là nhơn duyên sở sanh pháp thì nhơn duyên này tức là không; tức là giả tức là trung. Tức không nghĩa là chơn đế; tức giả là tục đế; tức trung nghĩa là Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu Biệt (Giáo) thì luận về lục đạo giới, là nhơn duyên sanh pháp. Nhị Thừa giới là không; Bồ Tát Giới là giả; Phật giới là Trung. Luận cảnh có hai ý. Nay đối cảnh làm sáng tỏ chỗ Quán; lại cũng có hai ý. Một là thứ đệ tam quán ; hai là nhất tâm tam quán. Thứ đệ nghĩa là như Anh Lạc nói: Từ giả vào không; gọi là Nhị Đế Quán. Từ không nhập vào giả; gọi là Bình Đẳng Quán.

Nhị quán là phương tiện; được nhập vào Trung Đạo đệ nhất nghĩa để quán. Ba quán này tức là Đại Phẩm đã làm rõ nơi ba trí. Một là nhứt thiết trí; rõ biết tất cả nội pháp nội danh; tất cả có thể rõ, có thể giải. Tất cả các pháp ngoài cách gọi, có thể rõ biết, có thể giải. Thường chẳng thể dùng mà tất cả đạo, khởi tất cả loại. Cho nên gọi là nhứt thiết trí. Hai là đạo chủng trí, có thể rõ biết tất cả đại chủng sai biệt; liền phân biệt giả danh; chẳng sai lầm. Cho nên gọi là đạo chủng trí. Ba là nhứt thiết chủng trí, có thể đối với một loại trí, rõ biết tất cả đạo trí tất cả loại. Một tướng diệt đi, tướng chủng chủng hạnh loại, có thể rõ biết có thể giải bày; gọi là nhứt thiết chủng trí. Thông (Giáo) mà luận về quán trí thì khác với điều này. Biệt (Giáo) mà qua mục nhọn thì gọi quả của quán ấy là trí. Đây là ba quán trí; tức là Đại Kinh 4 loại 12 nhọn duyên quán. Hạ, trung, thượng, thượng, thượng.

Niết Bàn qua sự chia chẻ pháp, làm rõ nơi bốn quán. Đại Phẩm Anh Lạc gặp ngay Ma Ha Diễn (Đại Thừa), rồi làm rõ ba quán, ba trí. Nay nếu khai hai kinh cùng với Niết Bàn thì nên khai Diễn Pháp; từ giả nhập vào không, quán sanh diệt tất cả trí. Nếu hợp Niết Bàn với hai kinh; hợp hạ, trung nhị quán; đồng là nhứt thiết trí. Nếu cùng với ba kinh vừa khai vừa hợp; đối với ngũ nhãn thì ngũ nhãn, nhục nhãn chiếu các việc thô tế; tất cả đều là thế trí. Tất vì các quán cảnh bốn. Nếu ba quán ba trí từ những điều này; tức là nhập thế pháp nhứt thiết trí. Nếu tứ quán tứ trí này; tức là vào chiết pháp nhứt thiết trí; cho nên nhục nhãn, thiên nhãn là căn bản. Nhập vào nhứt thiết trí đối với huệ nhãn; đạo chủng trí đối với pháp nhãn; tất cả chủng trí đối với Phật nhãn. Trong bài kệ nhọn duyên của Trung Luận có nói về sở sanh pháp một câu, vì quán trí làm căn bản. Ba câu đối ba trí. Nếu gặp ba quán trí đối với 4 giáo; tức liền khai mở như trước. Nếu cùng Niết Bàn đối với tứ giáo. Hạ trí là sanh diệt nhứt thiết trí đối với ba tạng giáo. Trung trí là thế pháp nhứt thiết trí; đối với Thông Giáo vậy. Thượng trí tức là đạo chủng trí đối với Biệt Giáo. Thượng thượng trí tức là nhứt thiết chủng trí đối với Viên Giáo. Do vậy; nên làm sáng tỏ tam quán. Vậy thì những gì đối với Tứ Giáo (Ước, Biệt, Thông, Viên); nếu không giáo tức không quán. Giáo kia tu quán được thành nơi trí. Cho nên làm rõ giáo vậy. Giáo ấy tất có chủ. Có chủ tức là Phật; hoặc có

thể một Phật nói Tứ Giáo; hoặc có thể hiện thị tứ tướng làm rõ tứ Phật.

Tứ Giáo ấy lại có Tứ Chủ; tức là sẽ có tứ bồ xứ; tức là bốn loại Bồ Tát giúp cho Phật hoàng truyền tứ giáo này. Nếu nói các pháp tịch tĩnh thì tướng ấy chẳng thể dùng để nói hay tuyên thuyết. Đại Kinh nói rằng:

Sanh sanh chẳng thể nói; cho đến chẳng sanh, chẳng sanh lại chẳng thể nói. Một lời dạy chẳng thể nói thì vì sao lại có 4?

Đáp rằng: Lý luận thật như vậy; tất cả đều chẳng thể nói. Tùy duyên lợi vật có hơn duyên; cho nên lại chẳng thể được nói. Chẳng hay sanh, sanh có thể nói; cho đến chẳng sanh, lại có thể nói. Dùng lời dạy của Phật để ra khỏi khổ sanh tử. Tam Tạng dạy rằng: như thích luận dẫn chứng Ca Chiên Diên Tử làm rõ nghĩa Bồ Tát. Đức Thích Ca đầu tiên vì người thợ làm đồ gốm mà nhớ lại lời phát nguyện của Phật Thích Ca ngày trước. Từ đó trở đi bắt đầu phát tâm Bồ Tát. Tức là kẻ ấy muốn cầu Bồ Đề; nên gọi là vì pháp. Sâu lìa khổ tập, vui cầu Diệt, Đạo. Tức là khởi lên tâm từ, thế độ tất cả. Hành hạnh lục độ. Hạnh nguyện tương ứng để làm vui đi sự khổ và mang đến niềm vui. Vì sao vậy? Vì keo kiệt làm cho tập đọa lạc vào nợ quý; nên nói là khổ. Thực hành Đàn (Bố Thí) gọi là đạo; xan tham dứt; gọi đây là diệt. Bồ Tát tự hàng phục sự keo kiệt tham lam, bi tâm huân tập; chúng sanh gọi tên; tức là có thể thoát khổ. Tự thực hành đàn thí với tâm từ bi huân tập thì vật ấy có thể độ; tức là có thể thị hiện làm cho được an lạc. Nên biết rằng vì đầy đủ thế nguyện mà tu hạnh bố thí vậy.

Cho đến kẻ ngu si gọi tập sanh thiên, nói là khổ. Tu huệ gọi là đạo, si kia lại diệt. Tu huệ lúc qua khỏi tự phá khổ tập làm thành tâm bi, dùng để cứu giúp chúng sanh. Chúng sanh xưng danh tức được giải thoát. Tự chúng đoạn diệt, dùng làm tâm từ, để huân tập chúng sanh. Chúng sanh có cơ duyên cảm ứng được độ. Cho nên rõ biết việc làm ấy ở nơi nguyện. Việc làm là lục độ, mỗi mỗi đều luận riêng biệt. Thi Tỳ Đợi Cấp là Đàn (Bố Thí) đầy đủ. Tu Ma Đề chẳng nói dối là Thí (Giới) đầy đủ. Ca Lợi Vương cắt tiết (thân

thê) chẳng động; đó là nhẫn đầy đủ. Thí lớn vào biên là tinh tấn đầy đủ. Nơi Xà Lê tọa thiền là Định đầy đủ. Cu Tần Đại Thần phân chia đất đai là Bát Nhã đầy đủ. Như vậy sự tu hành cho đến Sơ Tăng Kỳ kiếp. Chẳng rõ làm Phật, chẳng làm Phật. Đệ nhị Tăng kỳ tâm rõ làm Phật; miệng chẳng nói làm Phật. Đệ tam Tăng Kỳ tâm rõ miệng nói. Qua khỏi ba tăng kỳ rồi lại đến trăm kiếp chủng tướng. Trăm phước phạm dùng 3.200 phước tu thành. 32 tướng được hiện, lúc ấy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Hay hàng phục hoặc, chẳng đoạn; như không phải dê béo phì. Chấp thế trí vì Bát Nhã; tức là ý này. Dùng điều này Bồ Tát thực hành đối với Thanh Văn hành vị. Sơ Tăng Kỳ có thể đối với tông biệt niệm xứ. Nhị Tăng Kỳ có thể đối với nãn pháp. Tam Tăng Kỳ có thể đối với Đảnh Pháp. Bách kiếp chủng tướng có thể đối với Nhãn Pháp. Ngồi nơi đạo tràng có thể đối với thế đệ nhất. 34 tâm đoạn kết, thành Phật; tức là đối với 16 tâm phát chơn; cho đến 9 giải thoát vô học vậy.

Lúc bấy giờ trên Tọa Đạo Tràng 34 tâm đoạn hoặc. Chánh tập đều hết; gọi là Tam Tạng Phật. Cho nên Thích Ca tinh tấn, đệ tử đôn thực. Dùng tinh tấn cho 9 kiếp trước qua khỏi 8 tướng thành đạo Phật. Đây chính là Tam Tạng Giáo Chủ, hay nói giáo môn. Ở trong đây nằm tại nơi bồ xứ hằng trăm kiếp. Các tướng phục hoặc ở thân sau cùng. Lục độ hạnh thành, thê nguyện sẽ đầy đủ. Từ bi huân tập nơi chúng sanh, bạt khổ cùng lạc. Nếu cùng biện giải về việc này thì là nhơn duyên sanh pháp, thế trí minh quán; tức là Tam Tạng giáo, nghĩa Quan Thế Âm vậy.

Hỏi rằng: Nương vào Tam Tạng nói Thích Ca Di La đồng thời phát tâm. Một qua khỏi 9 kiếp, còn ý gì mà hai Phật đều thành Phật ở Hiền Kiếp?

Đáp rằng: Thích Ca gặp Phật Sa Túc trăm kiếp. Di Lạc gặp chư Phật hà tất phải đủ 91 kiếp sao? Nếu như vậy tức là không phải nghĩa trăm kiếp. Sự trả lời về pháp môn này tức là có 100 kiếp; dùng lực tinh tấn truyền ra nhiều hơn. Như Đại Phẩm nói rõ rằng: Tam thừa của con người giống như đệ nhất nghĩa đế, không dùng lời để nói đạo. Đoạn trừ phiền não, nhập vào Niết Bàn. Cùng

duyên một lý, dùng quán đoạn hoặc để thông. Lại gọi cùng với lời dạy của Bát Nhã. Việc này cùng với Tam Tạng sai biệt. Thích Luận đả phá và nói rằng: Há dùng tâm chẳng tịnh để tu hạnh Bồ Tát; giống như đồ độc dùng đựng thức ăn. Ăn xong người bị hại. Đàn (Bồ Thí) có thượng, trung, hạ; nghĩa là xả bỏ tài sản thân mệnh. Dũng sĩ liệt nữ đều có thể xả bỏ. Thế nào là xả bỏ bậc trung; gọi là bồ thí đầy đủ? Trung Đàn(bồ thí trung bình) thì gọi là thí không phải Ba La Mật. Chẳng thấy mình, người, tài vật ba việc ấy tất cả đều không phải keo kiệt, (nếu chẳng vậy)chẳng phải là thí. Đây là chơn đàn Ba La Mật. Cho đến phi ngu, phi trí, vô trước không huệ; gọi chơn Bát Nhã, chẳng chấp thế trí.

Luận rằng: nếu chẳng tin không, tất cả đều sai quấy. Nên rõ chỗ tu của người tất cả đều chẳng cùng với lý tương ưng. Nếu tin tất cả các pháp đều không ở tất cả những chỗ tạo tác. Do chỗ dùng không ấy cho nên có thể thành tất cả các pháp. Vậy rõ rằng nếu được không huệ thì có thể đầy đủ tất cả pháp vậy. Lại nữa Bồ Tát vô lượng kiếp số tu hành, sao chỉ ba A Tăng Kỳ. Như thế các loại phá bỏ Tam Tạng bị thất bại. Dùng hiển Ma Ha Diễn, phân giữa sẽ thông được ý dạy bảo.

Đại Phẩm nói rằng: Bồ Tát phát tâm cùng với Tát Bà Nhược (Bát Nhã) tương ưng. Đây chính là quán chơn, đoạn kết, cùng với lý tương ưng vậy. Phát tâm xong rồi liền quán chơn, đoạn kết, liền gọi là Bồ Tát. Tức là giả nhơn vậy. Lại nữa quán chơn tức là pháp này vậy. Thường cùng từ bi đều khởi. Tự đoạn khổ tập, tu đạo diệt. Lại dùng từ bi thế nguyện đoạn tất cả chúng sanh khổ tập, cùng với đạo diệt này. Thế đạt các pháp như huyễn như hóa, bất sanh bất diệt. Ba việc đều mất để thực hành Đàn (Bồ Thí). Cho đến tất cả pháp không chỗ đắm; gọi là Bát Nhã. Các hạnh này trần giữ lời nguyện; tức là có thể phá tứ trụ hoặc, thấy đệ nhất nghĩa; tức là có ba thừa cùng với Thập Địa. Đó là Càng Huệ cho đến Phật Địa. Nếu đến Thập Địa này đối với Thanh Văn thì Càng Huệ Địa đối với tổng biệt niêm xứ. Tánh Địa đối với tứ thiện căn vị. Bát nhơn địa đối với bát nhẫn. Kiến địa đối với sơ quả. Bạc địa đối với Nhị quả. Ly dục địa đối với tam quả. Biện địa này đối với tứ quả. Chi Phật địa tự, đối với chi Phật vị. Bồ Tát địa từ đây ra giả phương tiện.

Đạo quán song lưu, đoạn chánh xâm tập, đến cùng Phật địa. Cho nên luận rằng: Người này phiền não hết; nhưng tập (quán) chẳng hết. Dùng sự thệ nguyện để giúp cho tập sanh lại nơi ba cõi, làm lợi ích chúng sanh, thanh tịnh quốc độ Phật. Há cùng với Tam Tạng Bồ Tát hàng phục hoặc, hành lục độ hạnh sao? Bồ Tát tu hạnh này đoạn hoặc trừ những gì còn sót lại chưa hết; giống như làn khói nhỏ. Từ Bi năm đường thị hiện độ sanh. Chúng sanh hoặc xưng danh; hoặc cảm thấy; tức có thể bạt khổ cùng lạc giải thoát được độ. Điều này Thông Giáo thể giả nhập vào không quán. Lại gọi là nhưt thiết trí; tức là nghĩa của Thông Giáo Quán Thế Âm. Biệt Giáo thì khác với Thông. Biệt (Giáo) làm sáng tỏ chẳng cùng với Bát Nhã; cho nên nói là biệt vậy. Giáo này chỉ làm sáng tỏ Trung Đạo. Vì người căn cơ chậm lụt; nên phương tiện để nói. Lần lượt hiển lý rộng, làm sáng tỏ trải qua các kiếp tu hành. Cho nên Đại Phẩm nói rằng: Có Bồ Tát từ sơ phát tâm du hí thần thông tịnh Phật quốc độ. Kế đến tu tập hằng hà sa pháp môn giúp hiển lý trung (đạo) này. Phía trước tứ trụ; kế đến phá trần sa, sau đó phá vô minh.

Thập Tín thông phục các hoặc mà chính là phục tứ trụ. Thập trụ lại là thông phục các hoặc. Mà chánh đoạn tứ trụ thành nhưt thiết trí. Thập hạnh xuất giả; đoạn vô trí, thành đạo chủng trí cùng phục giới ngoại trần sa. Thập hồi hướng đoạn giới ngoại trần sa, thành đạo chủng trí chánh tu trung đạo, hàng phục vô minh. Thập địa đoạn trừ vô minh, thấy Phật tánh. Thành nhưt thiết chủng trí. Giống như đốt vàng, trần cấu trước tiên biến mất, sau đó là vàng ròng. Lần lượt đoạn kết lại cũng như vậy. Bồ Tát phát tâm này giữ pháp từ bi để tu hành. Tự đoạn vô minh, thành tựu chơn ứng. Đại thệ từ bi huân tập nơi pháp giới. Chúng sanh có cảm, liền bạt khổ được vui. Đây là từ không xuất giả, quán đạo chủng trí. Nghĩa của Quán Thế Âm thuộc Biệt Giáo vậy.

Viên Giáo thì chánh hiển Trung Đạo này che chở nơi hai bên; chẳng phải không mà cũng chẳng phải giả; chẳng trong mà cũng chẳng ngoài để quán 10 pháp giới chúng sanh. Nhựt ảnh trong kính, trắng trong nước. Chẳng ở bên trong mà cũng chẳng ở bên ngoài. Chẳng có nghĩa có mà cũng chẳng có nghĩa không. Kết cuộc chẳng

thật mà là lý của Tam Đê đương nhiên đầy đủ. Không trước chẳng sau; chỉ ở nơi tâm; tức là một mà luận ba. Tức ba mà luận một. Quán trí cũng như vậy; để lý lại cũng thế. Một Đê tức là ba Đê. Ba Đê tức là một Đê.

Đại Phẩm nói rằng: Có Bồ Tát từ lúc mới phát tâm; liền ngồi nơi Đạo Tràng chuyển pháp luân, độ chúng sanh. Tức ở nơi sơ tâm ấy đầy đủ quán tam để tất cả Phật Pháp. Vô duyên từ bi ở nơi tâm, đầy đủ tu vạn hạnh các Ba La Mật. Nhập vào Thập Tín bao quanh rồi, có thể lâu dài rời xa biển khổ luân hồi. Tứ trụ hoặc hết, sáu căn thanh tịnh; tên là tợ giải. Tiến nhập vào Thập Trụ với bánh xe đồng lúc sơ tâm; tức là phá vô minh; khai phát thật tướng tam trí hiện tiền. Được Như Lai một thân vô lượng thân trạm nhiên ứng với tất cả. Tức là mở Phật tri kiến, bày ra việc ngộ nhập vậy. Câu văn nói rằng: Chánh trực xả bỏ phương tiện, hay nói vô thượng đạo. Lại nói rằng: Nay sẽ vì người nói việc tối thật. Tức là Viên Giáo Nhứt Thật Đê tam quán tại nơi tâm vậy.

Đại Phẩm nói rằng: Nếu nghe chữ A; tức liền rõ tất cả nghĩa. Đại Kinh nói rằng: Phát tâm cứu cánh hai không riêng biệt; như thế hai tâm trước tâm khó; cho nên kinh lễ sơ phát tâm; tức là nghĩa này vậy. Trong này tri kiến hay gọi là Phật tri kiến; tức là nhứt thiết chủng trí, rõ Phật nhãn kiến. Phật nhãn kiến, Phật trí tri. Chẳng phải chẳng chiếu liễu dư pháp. Từ ấy mà gọi tên. Giống như những dòng nước đổ vào biển, mất căn cội, gọi chữ như thế. Đại Luận nói rằng: Thập Trí vào như thật trí; lại chẳng còn tên gốc. Nên xưng là như thật trí. Nhãn lại cũng như vậy. Ngũ nhãn đầy đủ thành Bồ Đề. Mà nay hay gọi là Phật nhãn. Đại Kinh nói rằng: Kẻ học Đại Thừa tuy có nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn. Còn nếu gọi ngôn ngữ này, người tu Tiểu Thừa thì tuy có huệ nhãn mà vẫn gọi là nhục nhãn. Nếu được như lời giải này thì gọi là Viên Giáo nhơn pháp. Ước (Giáo) không tạo Tứ Đê để khởi vô duyên từ bi. Tu bất nhị định huệ, thành chơn, ứng hai thân; chơn biến pháp giới; Được Châu phỏ ứng khắp cả. Ngang đầy dừng lại minh hiển lưỡng lợi, dùng vô khuyết bảo tạng Kim Cang Bát Nhã. Bạt căn bản, cứu cánh giải thoát. Dùng Thủ Lăng Nghiêm pháp giới kiến tướng cùng với ba điểm Niết Bàn, đại tự tại lạc. Đây gọi là Trung Đạo đệ

nhất nghĩa đế, quán tất cả các trí. Đây là nghĩa của Viên Giáo Quán Thế Âm vậy.

Hỏi rằng: Quán này là quán chúng sanh, phi không phi hữu thì lấy cái gì để hành hạnh từ bi?

Đáp rằng: Như tịnh tên Trung Thuyết.

Hỏi rằng: Nếu quán thập pháp giới phi không phi giả; tức là phá tất cả nhơn quả sao?

Đáp rằng: Nếu chẳng rõ Trung Đạo tức chẳng hiểu về phi quyền phi thật. Lại vô quyền vô thật tức là chẳng phải tứ phiền nhơn quả. Nếu làm rõ Trung Đạo; tức là quyền thật đều cùng chiếu tỏ; được có ba loại quyền Tứ Đế khổ tập nhơn quả, ba loại đạo diệt nhơn quả. Cho đến một thật vô tác Tứ Đế, thể xuất thể nhơn quả. Hiện nhiên đầy đủ ở một niệm nơi tâm. Vì sao vậy? Vì dùng thật tướng huệ giác rõ biết các pháp phi không phi hữu. Cho nên gọi là Phật Bảo. Chỗ giác pháp tánh về lý tam đế đầy đủ. Tức là Pháp Bảo. Như giác huệ này cùng với lý sự hòa hợp gọi là Tăng Bảo. Sự hòa tức có 3 điều dạy bảo của Hiền Thánh Tăng. Cùng với Lý hòa tức là có Viên Giáo 42 Hiền Thánh Tăng. Cho nên Đại Kinh lấy cả hai để dụ về ánh sáng mặt trăng tăng giảm để đưa ra. Trước ngày 15 theo Ước (Giáo) luận thì ánh sáng tăng; sau ngày rằm thì mặt trời theo Ước (Giáo) luận về ánh sáng giảm. Tuy nhiên tánh thật của mặt trăng thì chẳng méo tròn. Trước sau đều do vọng tưởng chẳng thể chẳng đổi thay. Tánh của mặt trăng tròn dụ cho thật tướng. Ánh sáng chiếu tỏa tăng giảm là dụ cho trí đoạn. Trí ấy tăng tức là các pháp chẳng sanh, mà Bát Nhã sanh. Đoạn ánh sáng giảm tức là các pháp chẳng mất mà phiền não diệt. Đại Kinh lại gọi vô minh là sáng. Cho nên rõ biết dùng dụ tà thì ánh sáng mất vậy. Như vậy sự tăng giảm mỗi ngày đều có. Những trí này đoạn địa địa, tất cả đầy đủ. Nếu 15 ngày thể tròn sáng đầy đủ; tức là mặt trăng chẳng lại sáng tròn đầy; chẳng phải hơn lên. Thí dụ Trung Đạo này, lý cực Bồ Đề trí đầy đủ. Cho nên nói chẳng sanh, chẳng sanh; gọi là Đại Niết Bàn. Nếu 30 ngày mà thể tận hết ánh sáng, tuy nhiên không

còn thì dụ vô minh này đã đảo lại tà, vĩnh trừ không hoặc, có thể đoạn. Cho nên gọi là chẳng diệt, chẳng diệt; gọi là Đại Niết Bàn.

Đầu tiên ba ngày mặt trời, mặt trăng ấy tức là dụ cho 30 tâm, trí đoạn. Kế đến 10 ngày đầu, mặt trăng ấy dụ cho Thập Địa trí dứt. Ngày 14 mặt trăng ấy dụ cho Đẳng Giác trí đoạn. Ngày 15 mặt trăng dụ cho Diệu Giác trí đoạn. Nhơn Vương, Thiên Vương cùng Bát Nhã dùng ngày 14 dụ cho 14 Bát Nhã; tức là ở ý này. Như đây làm sáng tỏ Tăng Bảo trí đoạn; tất cả Ước (Giáo) Trung Đạo, một thật tướng pháp. Tất cả nhân quả không chỗ phá mất. Nếu chẳng rõ Trung Đạo phi không, phi giả thì hay tính đoạn thường; tức là phá sanh diệt Tứ Đế, thể xuất thể nhơn quả. Phá Tam Tạng Tam Bảo. Nếu hay nói vô thường sanh diệt tức là phá vô sanh Tứ Đế Thông Giáo Tam Tạng. Nếu hay nói thể pháp bất sanh bất diệt chơn đế thì tức là phá vô lượng Tứ Đế Biệt Giáo Tam Bảo. Nếu hay nói thứ đệ hiển phi không phi giả thì điều này lại phá Viên Giáo vô tác Tứ Đế nhưt thể Tam Bảo. Truyền truyền tương vọng, trước chỗ phá mất nhiều. Sau chỗ phá mất ít. Có thể dùng được ý.

Hỏi rằng: Nếu Viên (Giáo) tu thật tướng nhất pháp, tam đế nhưt tâm, tam quán đầy đủ các pháp, lại ứng với một giáo bốn thì giải thích rõ ràng nơi Viên Giáo, liền đầy đủ, sao lại còn dùng đến tứ giáo như trước để phân chia?

Đáp rằng: Chương bên trên đã nói về thứ đệ tam quán, nhưt tâm tam quán. Làm rõ lời dạy lại có hai. Nếu một lời dạy của Viên (Giáo) giải thích rõ ràng tất cả các pháp là giúp cho người lợi căn và nêu tứ giáo ấy sai biệt với kẻ độn căn thì chẳng giả dần dần phân biệt. Viên Đốn do điều gì có thể giải. Dùng Biệt (Giáo) để hiển Viên; cho nên đầu tiên làm rõ Tứ Giáo (Ước, Thông, Biệt, Viên). Tuy nói đủ loại đạo; kỳ thật chỉ vì Nhưt Thừa. Lại nữa ở nơi Như Lai các pháp sâu xa nhiều để chỉ cho giáo lý ấy làm lợi lạc hoan hỷ. Dụ pháp tức là ba phương tiện dẫn đạo, lộng dẫn khai mở không pháp đạo. Nếu nhập Phật huệ phương tiện thì không dùng; cho nên nói rằng duy chỉ điều này là thật; còn ngòai hai tức là chẳng phải chơn. Nên phải rõ về một Viên Đốn giáo, tất cả chủng trí Trung Đạo chánh quán. Duy chỉ có điều này mới là thật Quan

Thế Âm. Ngoài ra tất cả đều là phương tiện để nói. Lại nữa nếu có chỗ nói quyền, nói thật; tất cả đều là phương tiện. Phi quyền phi thật, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, chẳng thể nói rõ được. Bất sanh, bất sanh diệu ngộ khó lý phương; gọi đây là chơn. Điều này lại chẳng thật mà có thể thật. Kế đến làm rõ quán tâm.

Phàm tâm nguyên bản tịnh, vô vi, vô số; phi nhất phi nhị; vô sắc, vô tướng; chẳng méo, chẳng tròn. Tuy lại giác tri mà lại vô giác tri. Nếu niệm mà chưa niệm bốn lần kiểm tâm rốt ráo không thể được; há có thể lần lượt chẳng lần lượt quán méo, tròn sao? Giống như hư không, sánh không có khác. Tâm tánh này cứu cánh vô tâm. Lúc có nhơn duyên lại được minh tâm. Liền luận về tâm; tức là có phương tiện, nghĩa chánh quán. Dụ như hư không, lại có âm dương hai lúc. Tâm lại cũng như vậy. Tuy không méo, tròn mà luận tiêm đốn. Nếu tạo lần lượt quán tâm tức là ý phương tiện lần lượt tiêm vậy. Nếu quán tâm có đầy đủ tánh đức tam đế, tánh đức tam quán cùng với tất cả pháp thì không trước, không sau, không có lần lượt đệ nhất niệm đầy đủ.

Thập pháp giới pháp, ngàn loại tánh tướng nhơn duyên sanh pháp; tức không; tức giả; tức trung. Ngàn loại tam đế vô lượng vô biên pháp như tâm tất nhiên đầy đủ. Điều này tức là chẳng phải thứ đệ quán vậy. Hoa Nghiêm nói rằng: Trong tất cả thế gian, chẳng có cái gì là không từ tâm tạo. Tâm như người họa sĩ, tạo ra đủ loại ngũ âm. Nếu quán tâm không, từ tâm sở tạo; tất cả đều không. Nếu quán tâm có; từ tâm sở sanh, tất cả đều có. Tâm nếu định hữu, chẳng thể làm cho không. Tâm nếu định không; chẳng có thể làm cho có. Dùng bất định không; không ấy tức là phi không. Dùng bất định hữu; hữu ấy tức phi hữu. Phi không phi hữu cả hai đều nhị biên; gọi là Trung Đạo. Nếu quán tâm phi không phi hữu; tức tất cả từ tâm sanh pháp; lại phi không phi hữu. Như vậy tất cả các pháp ở tại tâm. Nếu hay quán tâm được như vậy thì gọi là thượng thượng quán, được chư Phật Bồ Đề. Tịnh Danh gọi quán thân thật tướng, quán Phật lại cũng như thế. Quán thân tướng liền cùng nơi Phật quán tâm tướng; lại cùng ở nơi Phật. Hoa Nghiêm nói rằng: Tâm Phật và chúng sanh là tam vô sai biệt. Phải rõ quán tâm này nguyên thủy cùng với Như Lai. Nếu tạo dư quán, quán tâm; tất cả

đều là phương tiện; gọi là tà quán. Nếu làm như Viên quán thì gọi là chơn thật chánh quán; tức là khai Phật tri kiến, ngồi nói chỗ ngồi của Như Lai. Như từ bi này tức là vào nhà của Như Lai. An nhẫn nơi pháp; tức là mặc áo của Như Lai. Tu huệ quán này tức là trang nghiêm Như Lai. Người này hành, trụ, tọa, ngoạn tất cả đều nên xây tháp. Sanh tướng Như Lai như thế ấy thì quán tâm này gọi là quán Phật tâm.

Phần thứ hai làm rõ chữ Phổ Môn. Lại có hai. Một là thông đồ minh môn, có giải thích hai lần mười nghĩa. Thông sáu ý. Một là lược liệt môn danh; hai là chỉ ra môn tướng; ba là làm rõ quyền thật; bốn là làm rõ Phổ cùng chẳng Phổ. Năm là Ước 4 tùy. Sáu là làm rõ quán tâm.

Liệt Môn nghĩa là: Thông từ thế gian như người, cửa ngõ thông với phòng đề đồ tốt xấu. Phàm ở ngoài thì dùng thập ác ngũ nghịch làm cửa. Thông với phòng là tam đồ. Thăng cao thanh tịnh dùng năm giới, thập thiện, tứ thiên, tứ định để làm cửa ngõ; thông đến cả người, trời. Ngoai đạo dùng đoạn thường làm cửa; thông đến hoặc khổ. Ái dùng tứ đảo (điên đảo) làm cửa ngõ. Kiến dùng tứ cú làm cửa ngõ. Thiện ác chỉ đặc thù hạn chế mà nói. Đây đủ có cửa của lậu thế gian. Thông đến sanh tử như vậy. Nếu gom Phật pháp để luận về cửa ngõ lại có nhiều loại. Tam Tạng tứ môn, thông có dư, vô dư Niết Bàn. Thông Giáo tứ môn gần với thông hóa thành, xa thông với thường trụ. Biệt giáo tứ môn dần thông với thường trụ. Viên giáo tứ môn đốn thông với thường trụ. Đây chính là 446 giáo môn. Lại có 16 quán môn. Hợp thành 32 cửa. Có thể thông với phân biệt; tướng này ở tại Đại Bồn Huyền. Hai là chỉ bày tướng của cửa. Ba tạng tứ môn; cho nên A Tỳ Đàm có cửa này. Thành thật là không môn; Hồn Lặc lại không, lại có môn. Xa Nặc phi không, phi hữu môn. Mỗi mỗi rộng làm sáng tỏ pháp hành, phán quyết địa vị của hiền thánh. Do cửa thông lý, thông giáo tứ môn. Nghĩa là có ấy như huyền; không ấy như huyền; lại không lại có; chẳng không chẳng có. Mỗi mỗi tạo hành tướng; phán quyết ngôi vị Thánh Hiền. Do cửa thông lý; biệt giáo tứ môn. Quán Phật tánh như phòng tối đầy gạch ngói; tức là có cửa. Quán Phật tánh như không có thành Ca Tỳ La; không ấy tức là vô môn vậy. Quán

Phật tánh như vàng trong đá; người có phước được cửa; kẻ có tội chỉ thấy đá. Đây lại có, lại vô môn. Quán Phật tánh lia nhị biên; tức là Trung Đạo. Phi hữu phi vô môn. Mỗi mỗi hành tướng sắp đặt ngôi vị do môn thông lý. Viên Giáo tứ môn gọi chẳng sai biệt. Chẳng những một cửa mà là ba cửa. Ba cửa ấy tức là một cửa. Chẳng phải một, chẳng phải bốn; không trải qua sự phân biệt đặc thù. Viên dùng không bốn mà bốn. Mỗi mỗi phán quyết tư nghi hành vị tướng. Do môn thông với lý. Nghĩa này tất cả đều ở nơi Đại Bản.

Kế tiếp luận về những cửa quyền thật; thường chẳng thể ra khỏi ba cõi. Tam Tạng Thông, Giáo, Giáo quán. 16 môn có thể thông chỗ thông; tất cả đều là quyền. Biệt Giáo giáo quán có thể thông; quyền này chỗ thông là thật. Viên Giáo giáo quán 8 môn có thể thông chỗ thông; tất cả đều là thật. Luận đầy đủ tại nghĩa đen kia. Kế đến làm rõ Phổ và chẳng Phổ. Nếu là phạm phu ngoại đạo thấy yêu thích các môn, thường chẳng thể ra khỏi ba cõi. Hà hướng là Phổ. Tam Tạng thông giáo; tuy thông hóa thành; lại cũng chẳng phải Phổ. Biệt giáo tiệm thông; lại nghĩa phi Phổ. Chỉ có Viên Giáo giáo quán thật tướng pháp môn; có thể biến thập pháp giới. Ngàn tánh tướng tam đế một lúc viên thông. Viên thông Trung Đạo song chiếu nhị đế. Riêng xung là Phổ Môn.

Lại như gọi tịnh trong thuyết bất nhị môn thì sanh tử Niết Bàn là hai. Chẳng nương vào sanh tử, chẳng nương vào Niết Bàn; nên gọi là bất nhị. Lại cũng chẳng phải một. Vì sao thế? Trừ khỏi hai, mà ở tại một. Một ấy đối lại chẳng phải một mà trở lại thành hai. Há gọi là bất nhị sao? Nay chẳng ở hai; cho nên nói chẳng phải một, chẳng phải hai. Lại gọi là chẳng có, chẳng không. Chẳng có là phá giả. Chẳng không là phá không. Chẳng có là phá hai. Chẳng không là phá một. Nếu như vậy thì nên ở tại Trung Đạo, mà Trung Đạo lại không. Đại Kinh nói rằng: Minh cùng vô minh tánh này chẳng hai. Tánh chẳng hai ấy tức là Trung Đạo. Trung Đạo ấy không đối với nhị biên; không này lại cũng không; cho nên nói là không không không. Gọi là chẳng thể được không. Đây là nhập bất nhị pháp môn. Tức là Viên Giáo thành không môn, biện giải ý Phổ Môn vậy. 31 Bồ Tát mỗi vị đều nói bất nhị môn. Văn Thù nói vô

thuyết làm bất nhị môn. Tịnh Danh(Duy Ma Cát) Đổ Khẩu làm bất nhị môn. Tìm câu văn vi tế kia tất cả đều có nghĩa tứ môn. Có Ngài chú thích rằng: các vị Bồ Tát trải qua những lời nói, pháp tướng; tức là có môn. Văn Thù nói vô ngôn; đây tức là không môn. Tư Ích (Phạm Thiên) nói tất cả các pháp chơn chánh, tất cả pháp tà; lại là ý Phổ Môn. Tâm vào các pháp giới như hư không. Lại là không, lại là có môn. Tịnh Danh mặc nhiên; tức là phi không phi hữu môn.

Đại Phẩm 42 tự môn, đầu chữ A, sau chữ Trà; giữa có 40 chữ. Tất cả đều là những chữ công đức. Đây lại là bất nhị Phổ Môn. Ở phần trên của Phẩm Phương Tiện nói trí huệ môn này khó giải khó nhập. Thí Dụ nói rằng: Tuy có một cửa, mà lại là cửa hẹp. Chúng đều làm sáng tỏ thật lý của môn. Tất là ý Phổ Môn vậy. Tứ tùy quán tâm tất nhiên tại đại bản. Hai là riêng biệt giải thích Phổ Môn; cho đến lý ấy chẳng có số theo duyên lợi vật. Hoặc làm một hay hai tên; hoặc đến vô lượng. Lược bớt nghĩa rộng tuyên nói sự tồn tại thích ứng với 10 nghĩa. Một là từ bi phổ; hai là hoàng thệ phổ. Ba là tu hành phổ. Bốn là đoạn hoặc phổ. Năm là nhập pháp môn phổ. Sáu là thân thông phổ. Bảy là phương tiện phổ. Tám là thuyết pháp phổ. Chín là cúng dường chư Phật phổ. Mười là thành tựu chúng sanh phổ. Bên trên là trải qua những Phổ Môn thuộc về pháp cứu cánh. Đây là 10 Phổ Môn; tất cả đều tu hành phước đức trang nghiêm. Năm phần trước là tự thực hành. Kế đến ba phần sau là hóa tha và hai phần sau cùng kết lại hai ý trước. Tự hành giữa trước 4 là tu nhơn. Sau một là làm sáng tỏ quả. Tu nhơn lại có hai. Đầu của hai ấy là nguyện, sau hai ấy là hạnh. Tổng sanh khởi. Bồ Tát thấy tất cả khổ não chúng sanh, khởi tâm đại bi. Tâm này tuy chẳng phải là tâm Bồ Đề mà hay phát sanh tâm Bồ Đề. Giống như đất nước; tuy chẳng phải là hạt giống, mà có thể làm cho nảy sanh mầm. Nay nhơn đại bi khởi; bồ đề tâm lại cũng như thế.

Kế đến là thệ nguyện. Nếu hằng từ bi, vui nhiều thoát đọa. Ngụ Tử(da trâu) Âm La Hoa, Bồ Tát mới phát tâm ba việc. Nhơn thì nhiều mà sự thành tựu lại ít. Cho nên chẳng định vậy. Liên khởi thệ nguyện quan trọng để chế ngự tâm này; tức là bồ đề kiên cố. Kế đến làm sáng tỏ chỗ tu hành. Nếu hằng phát nguyện nơi kia

chưa ích lợi. Như chẳng có tiền bạc, thế lực quyền mưu thì chẳng thể giải khổ được. Bồ Tát lại cũng như vậy. Thiếu phước đức tài chánh, thần thông, lực trí huệ mưu. Có được vậy mới hóa đạo. Đại kinh nói rằng: Đầu tiên dùng định để động, sau đó dùng huệ để bạt(khổ). Tu hành phát nguyện ý này tại đây vậy. Kế đến là đoạn hoặc. Thành(thật)luận nói người vô ngại, đạo hay giải thoát, đạo đoạn. Nếu như vậy thì tu hành là lấy đạo làm nhơn. Đoạn hoặc là giải thoát đạo, làm quả. Nếu Tỳ Đàm làm sáng tỏ vô ngại đạo như niệm tức là đoạn thì cái nào được dùng chứa cùng với Thất Giác, mà có nghĩa phục hoặc. Dùng phương tiện đạo hàng phục vô ngại đạo đoạn, giải thoát đạo chúng.

Dẫn theo lối giải thích của luận rằng: Vô ngại đạo trung hạnh; gọi là Bồ Tát. Giải thoát đạo trung hạnh; gọi là Phật. Điều này theo Ước(Giáo)là ngôn ngữ cứu cánh. Phật chứng tam bồ đề; gọi là giải thoát đạo vậy. Nếu như vậy thì tu hành là phương tiện đạo. Đoạn hoặc là vô ngại đạo. Nhập pháp môn là giải thoát đạo. Giữ lấy việc này tự thực hành lần lượt vậy.

Kế đến là thần thông. Nếu muốn hóa độ kia, thì phải hiển thị tam mật. Thần thông là thị hiện sắc thân. Phương tiện chỉ bày ý đồng tình. Thuyết pháp là thị hiện miệng tùy theo loại âm thanh này. Đây là sự hóa tha lần lượt. Cúng dường chư Phật kết cuộc là tự hành. Chẳng phải dùng hoa hương tứ sự cúng dường, mà tùy thuận tu hành là pháp cúng dường; trong ấy tối cao nhất. Đại Kinh nói rằng: Người tùy theo lời ta nói; tức là cúng dường Phật. Theo lời dạy kia mà hành, kết cuộc là tự thực hành. Thành tựu chúng sanh là kết hóa tha. Trong 4 oai nghi của Bồ Tát, trên cả là chẳng quên chúng sanh. Hà hương là vào các pháp môn tịnh Phật quốc độ. Tất cả là vì nhiều ích những chúng sanh. Cho nên một câu kết hóa tha vậy. Kế đến là sự giải thích.

Khởi thi từ nhơn thiên cho đến Thượng Địa(Bồ Tát) tất cả đều có từ bi. Lời này đối với Thông(Giáo) chẳng ra khỏi chúng sanh, pháp duyên vô duyên. Nếu duyên với chúng sanh, chúng sanh sai biệt, giả danh chẳng đồng. Nhơn quả khổ lạc có khác. Bên trên chẳng được vào nơi pháp để từ duyên vào. Sao lại được xưng là Phổ?

Nếu pháp duyên vào vô nhơn, vô ngã, vô chúng sanh thì từ giả ấy nhập vào không trên, chẳng được các tên giả. Hà hưởng là Phổ. Nếu là vô duyên từ thì chẳng duyên vào nơi 25 cõi hữu giả danh. Chẳng duyên vào pháp Nhị Thừa Niết Bàn. Chẳng duyên vào hai điều này. Tuy chẳng duyên vào đâu mà có thể song chiếu không giả. Ước (Giáo) gọi đây là khởi từ, vô duyên từ. Tâm thông với Tam Đế gọi đây là Phổ.

Biệt(Giáo)giải thích rằng: Nếu tu chúng sanh duyên từ thì quán một pháp giới chúng sanh giả danh. Có thể chẳng gọi là Phổ. Nay quán thập pháp giới chúng sanh giả danh. Mỗi một giới; mỗi mỗi có 10 loại tánh tướng, trước sau cứu cánh. Thập pháp giới giao thoa với nhau thành 100 pháp giới, 1.000 loại tánh tướng. Ngâm nghĩ phục ở tâm. Tuy chẳng hiện tiền, hiển nhiên đầy đủ. Giống như mặt người bị tướng thô xấu. Dùng người chẳng rõ; nhưng tướng sư lành biết. Nay chúng sanh tánh tướng nhứt tâm đầy đủ lại cũng như thế. Phạm người nhiều điên đảo; ít người chẳng điên đảo lý, tình đều mê. Thánh nhơn rõ biết; tức là rõ hiểu như tướng sư kia. Rõ biết 1.000 loại tánh tướng này. Tất cả đều là nhơn duyên sanh pháp. Nếu là nhơn duyên sanh pháp ác; tức là có tánh tướng khổ; cho đến khổ bốn mặt; liền chưa giải thoát. Quán điều khổ này mà khởi đại bi. Nếu quán nhơn duyên pháp lành sanh; tức là có tánh, tướng vui, cho đến lạc bốn mặt. Quán này mà khởi tâm từ bi. Đều giải như Đại Bản. Nay Ước(Giáo) đầu,sau cả hai thế giới ấy có thể giải. Địa ngục(cảnh)giới như thị tánh. Tánh ấy chẳng cái đối; như trúc bên trong có tánh lửa. Nếu điều ấy không thì chẳng phải từ trúc mà cầu lửa; từ đất mà cầu cho có nước; từ quạt mà cầu cho có gió. Tâm có nơi địa ngục; giới tánh lại cũng như vậy. Địa ngục tướng ấy là nắm cả mà có thể riêng biệt; gọi đây là tướng. Lành quán tâm là rõ biết tiếng nơi địa ngục. Như sự thiện lương của tướng sư; biệt tướng ấy là chẳng nói bừa; cho nên gọi là tướng. Thế ấy là dùng tâm để làm thể. Tâm rõ biết khổ vui; cho nên lấy đó làm thể. Giống như chiếc trâm hay vòng xuyên bằng châu báu. Tất cả đều có thể chất từ vàng bạc. Sắc màu của lục đạo chỉ khác với tâm đại để này. Cho nên tâm ấy làm thể vậy. Cho đến vận dụng tên gọi mạnh mẽ. Duyên của núi vào lửa; tất cả đều là lục này vậy. Sự thực hành ấy là tác; nên viết là tác tạo. Điều này

có thể có lực; tức là có chỗ tạo tác. Hoặc tạo lành, tạo ác. Nhơn ấy là nghiệp, là nhơn vậy. Duyên ấy là giả tịch làm duyên vậy. Như ái nhuận thâm nơi nghiệp nhân duyên hợp lại vậy. Quả ấy là tập quả ví như con người ở địa ngục đời trước nhiều dâm dục, sẽ sanh nơi địa ngục trở lại mà theo Ước(Giáo) thì kẻ dâm dục nhiều có thể yêu mến cảnh ấy. Tức là qua lại gần gũi phụ thuộc; nên gọi là tập quả vậy.

Báo ấy là báo quả vậy. Ngày xưa gặp tội dâm, nay đọa xuống địa ngục, thọ khổ thiêu đốt; tên là báo quả.

Bổn ấy là tánh đức pháp. Kế sau cùng tu được pháp vậy. Cứu cánh cùng với rộng tu được; ấy là đẳng hữu tánh đức. Lãm tánh đức; tức là đầy đủ có tu chứng. Tướng đầu và sau cùng, cùng ở; cho nên nói là đẳng vậy. Địa ngục giới, 10 tánh tướng như thế ấy. Ngòai ra chín cũng như vậy.

Hỏi rằng: cõi này có 10 tánh tướng rõ được. Sao lại có tướng giao hũ. Ngòai cõi ấy giao hũ thì điều này khó tin. Vì sao địa ngục có Phật tánh tướng trước sau vậy?

Đáp rằng: Đại Kinh nói rằng: Phạm kẻ có tâm tất cả đều được Tam Bồ Đề. Như vị Tiên sớm giết Bà La Môn; tức là có ba niệm. Lại nữa Bà Sô địa ngục con người tốt cao, theo ý nghĩa cương nhu. Tuy ở tại địa ngục nhưng cái lý về Phật tánh cứu cánh chẳng mất. Cho nên rõ biết địa ngục giới tức là có Phật tánh.

Phật tướng tức là tướng của tánh đức. Tịnh Danh kinh nói rằng: Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề. Thánh nhơn làm cho lặng lẽ , có thể riêng biệt vậy. Thế ấy tức là địa ngục giới tâm thật tướng lý này. Lực ấy là pháp tánh 10 lực biến thông với đại dụng. Tác ấy là từ vô trụ, bổn lập tất cả pháp. Như gân và sữa của sư tử . Nhơn ấy là chánh nhơn. Duyên ấy là tánh đức duyên liễu vậy. Quả ấy tức là Bát Nhã Bồ Đề đại quả. Báo ấy là Đại Bát Niết Bàn quả quả vậy. Bổn ấy chính là tánh đức; mặt ấy là tu đắc. Đẳng ấy là tu được tướng mạo tại nơi tánh đức. Trong tánh đức ấy lại đầy đủ tu được tướng mạo. Cho nên nói cứu cánh vậy.

Đại Kinh nói rằng: Trong núi tuyết có thuốc chứa rất hay, lại cũng có cỏ độc. Địa ngục một cõi thường đủ Phật quả tánh tướng thập giới. Hà huống là các cõi khác. Địa ngục hỗ tương cùng với chín cõi khác. Ngoài cõi giới hỗ tương lại cũng như thế. Bồ Tát sáu quán 10 pháp giới chúng sanh. Ngàn loại tánh tướng đều ở tại một tâm. Xa tìm căn nguyên chiếu rọi tánh đức ác và tánh đức thiện này. Thường tự linh nhiên. Hà huống là chẳng chiếu, tu được thiện ác sao?

Như thấy thuốc hay và cỏ độc nơi núi Tuyết. Lấy sự quán xét tánh đức ác độc, thương xót, lân mẫn, khởi tâm đại bi, muốn dứt trừ khổ này. Dùng việc quán về tánh đức lành, vui thích nhớ nghĩ hoan hỷ; khởi tâm đại bi muốn cùng với lạc này. Mười pháp giới này thu tất cả chúng sanh, khiến chẳng có cùng tận. Duyên vào đây chúng sanh giả gọi là tu đức. Há chẳng phải chúng sanh từ phổ sao?

Hỏi rằng: Cõi địa ngục nhiều khổ, chưa hết; sao lại nói cùng vui được?

Đáp rằng: Chúng sanh vào địa ngục thì phần nhiều khởi lên tâm niệm. Bồ Tát thừa cơ hội ấy liền cùng với nhơn vui; cho nên nói là cùng vui là vậy. Lại nữa Bồ Tát thường hay lấy lòng từ để thay thế thọ khổ; khiến cho điều này được dùng nghỉ. Ngoài ra cõi ấy khổ được nhẹ hơn, cùng với nghĩa có thể giải trừ.

Hai pháp duyên từ là quán 10 pháp giới tánh tướng; tất cả thiện ác đều là hư không. Thập pháp giới giả danh; giả danh tất cả là không. Thập pháp giới sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hành thức đều là không. Thập pháp giới xứ sở; xứ sở; tất cả đều không. Vô ngã vô ngã sở; tất cả chẳng thể được. Như huyễn như hóa; chẳng có chơn thật. Thường tịch diệt tướng; chung quy cũng ở nơi không. Chúng sanh vì sao cho đó là thật? Có lẽ vì chúng sanh bất giác bất tri; vì khổ sở làm cho não; chẳng được vui với vô vi tịch diệt. Bạt trừ điều khổ này mà khởi tâm đại bi; muốn cùng với niềm vui này; cho nên khởi lên đại bi. Tịnh Danh(Duy Ma Cát) nói: Có thể vì chúng sanh nói pháp như thế này. Tức là chơn thật từ vậy. Nếu

duyên vào một pháp giới pháp; khởi lòng từ thì có thể chẳng gọi là Phổ. Nay duyên vào 10 pháp giới pháp, há chẳng phải là Phổ sao? Nên gọi là pháp duyên từ phổ vậy.

Ba là vô duyên từ. Nếu duyên vào 10 pháp giới tánh tướng sai biệt giả danh; thì giả này tức là phi giả. Thập pháp giới như huyền, như hóa; không ấy tức là phi không. Phi giả cho nên chẳng duyên vào 10 pháp giới tánh tướng. Phi không cho nên chẳng duyên vào 10 pháp giới chơn. Lần lượt nhị biên này vô trụ vô trước; gọi là Trung Đạo; lại cũng chẳng thể duyên vào nơi cứu cánh thanh tịnh. Như thế lúc quán, tuy chẳng duyên nơi không giả; nhưng cùng song chiếu nhị biên; khởi vô duyên từ bi để đánh bạt hai khổ sanh tử, để vui cùng trung đạo. Như từ trường của đá hút thiết; chẳng cần nói gì cả; tự nhiên tương ứng. Vô duyên từ bi hấp thụ căn cơ Tam Đế lại chẳng sai biệt. Chẳng di dời, chẳng nhớ nghĩ; cho nên nói là vô duyên từ bi vậy. Hành giả lúc ban đầu tu hành nơi phạm địa với tâm từ bi này; tức là được nhập vào nơi ngũ phẩm đệ tử. Quán hành vô duyên từ bi, tiên nhập vào thập tín vị, tương tự vô duyên từ bi nhập vào nơi thập trụ. Cho nên đây là phần chứng vô duyên từ bi; cho đến đẳng giác gần nhất với từ bi để huân tập chúng sanh. Bất động như kính sáng. Vô niệm như từ lực của đá hấp thụ thiết. Cho nên gọi là vô duyên từ bi. Tam Đế đầy đủ gọi là Phổ. Trải qua Trung Đạo ; cho nên gọi là Môn.

Hai là hoằng thệ Phổ. Hoằng ấy nghĩa là rộng. Thệ ấy là chế. Nguyên kia gọi là yêu cầu. Cho nên chế ngự tâm này, rộng cầu thẳng pháp. Do vậy gọi là hoằng thệ. Hoằng thệ là cái gốc để thành từ bi. Từ bi ấy liền duyên với khổ lạc hoằng thệ; lại như Ước(Giáo) Tứ Đế. Nếu thấy khổ để bức bách độc hại chua cay thì duyên nơi đây để khởi thệ; cho nên nói là chưa độ sẽ làm cho được độ vậy. Nếu thấy Tập Đế điên đảo lưu chuyển mê hoặc trói buộc thì sanh tử ấy hóat nhiên mà chẳng phiền hà. Cho đến có thể bi thương về việc này nên khởi thệ; cho nên nói rằng chưa giải thì làm cho giải. Con đường thanh tịnh thì chúng sanh chẳng biết. Kể thực hành đạo này có thể ra khỏi sanh tử thẳng đến an lạc địa. Muốn chỉ bày cho chúng sanh lập nơi đạo này. Cho nên nói rằng chưa an thì làm cho được an.

Diệt phiền não xứ gọi là Niết Bàn. Từ quả cột chặt đoạn diệt thì liền được Nhị Niết Bàn. Ước(Giáo) cho đây là khởi thế; do vậy nói chưa được Niết Bàn thì làm cho được Niết Bàn. Nhơn sanh tử khó rõ biết thì khổ quả dễ nhận ra. Cho nên trước quả sau nhơn. Niết Bàn lý diệu, đây phương tiện thiện. Cho nên trước nhơn, sau quả. Đại kinh nói rằng: Giải tỏa những giao động sẽ khó được, huống là sanh ra sữa đề hồ. Như 4 ý này thường là nhứt vãng. Chỉ mê tâm, khởi nghiệp; nghiệp ấy tức là hoặc quả. Muốn rõ nguyên lai của quả và biết rõ quả nhơn tập thì chế tâm, dừng nghiệp; tức là bánh xe sanh tử liền hoại. Phiền não điều phục; gọi đây là vi đạo. Tu hành chẳng giải đãi, khổ nhần mới phát sinh. Từ Quả đều đoạn, chứng tận vô sanh. Gọi đây là đạo diệt. Tuy có 4 riêng biệt; chung quy chỉ là một niệm. Liền chẳng khác pháp. Tứ Đế lại cũng như thế; hoẵng thế lại cũng như vậy.

Kế tiếp làm sáng tỏ việc Phở và chẳng Phở. Nếu là phàm phu thì xa rời bên dưới và ma sát bên trên. Đối với Ước(Giáo) thì việc lập lời thế này chẳng gọi là Phở. Nhị Thừa thấy tam giới lửa đốt sợ hãi, tu đạo này. Ở đây cho đến việc thấy từng phần Tứ Đế; lại cũng chẳng gọi là Phở. Nếu là Biệt Giáo thì trước tiên như Ước(Giáo)phân đoạn; kế đến tính sự dễ thay đổi; điều này lại cũng chẳng phải là Phở. Nếu Viên Giáo Bồ Tát đối với trong một tâm, chiếu tất cả những khổ, tập, diệt, đạo. Làm cho phàm phu rõ thấy ái; tức là có tạo nên tập. Nhị Thừa chấp nơi không; tức là không tạo tập. Cho nên Tịnh Danh nói rằng: Pháp ấy vô nhiễm. Nếu nhiễm ở nơi pháp thì chẳng cầu pháp vậy.

Cuối cùng tập chưa hết; hoa ấy tất dính thân; tức là dễ thay đổi về hoặc; hoàn toàn chưa được trừ vậy. Đại Kinh nói rằng: Các người Tỳ Kheo ở nơi pháp Đại Thừa này chưa vì chánh pháp để trừ những kiết sử; tức là không tạo nên tập vậy. Cho đến thuận theo pháp đạo, ái sanh lại là không tác tập vậy. Đây gọi là biến tri tập. Biến tri khổ nghĩa là dùng hữu tập; tức có thể mang thêm khổ báo. Có tạo tập, mang thêm vào phần đoạn khổ. Không tạo nên tập, mang khổ dễ biến. Tức là rõ khổ để vậy. Rõ biết sự biến kiến đối trị đạo diệt của khổ tập. Từ ngũ giới, thập thiện, chẳng động, chẳng ra khỏi. Nhị Thừa Tứ Đế Thập Nhị Nhân Duyên, thông đến hữu

đư, vô dư Niết Bàn. Thông Giáo lại cũng như vậy. Biệt Giáo qua Biệt, thông đến thường trụ. Chẳng thể đối với một con đường, mà có rất nhiều con đường như thế. Chẳng gọi là con đường Phổ. Viên Giáo Trung Đạo tức là thật tướng.

Phổ Hiền Quán nói rằng: Đại Thừa nhơn là các pháp thật tướng. Tu như con đường này gọi là viên nhơn, xung là Phổ Đạo. Cho nên được Niết Bàn; tức là cứu cánh thường trụ. Tất cả phiền não vĩnh viễn chẳng lưu lại; giống như kiếp hòa, chẳng còn thiêu đốt nữa. Cho nên gọi là Phổ Diệt. Chỗ quán Tứ Đế đều viên tròn. Duyên để khởi thế sao được chẳng khắp. Cho nên gọi là hoằng thế Phổ vậy. Riêng dùng quán 10 pháp giới tánh đức; tu được thiện ác, mà khởi hoằng thế luận phổ chẳng Phổ. Tự đây là một phần nghĩa lớn. Cùng với Tứ Đế, nói khác; cho nên cách dùng ấy lại ứng với thiện vậy.

Ba là làm sáng tỏ Tu Hành Phổ. Đầu tiên làm sáng tỏ lần lượt về sự tu hành. Kế đến làm sáng tỏ chẳng phải lần lượt sự tu hành. Đầu ở nơi đại bản hạnh diệu đại.

Bốn là làm sáng tỏ đoạn hoặc Phổ. Nếu từ giả nhập vào không, dùng đoạn tứ trụ hoặc thì hoa ấy dụ cho thân, sau vì chánh pháp mà trừ các kiết sử; hằng lia hư vọng; chẳng phải giải thoát tất cả. Nếu từ không nhập vào giả, dùng trừ trần sa thì chẳng nương vào căn bản, mà đoạn; lại cũng chẳng gọi là Phổ. Nếu không giả chẳng hai, chánh quán trung đạo, căn bản những cảnh lá điên đảo tự từ bỏ thì giống như cỏ bị che bởi đất; tất nhiên bị suy; cho nên gọi là đoạn hoặc Phổ.

Năm là Pháp Môn Phổ. Nhị Thừa nếu vào một pháp môn, thì chẳng thể vào hai, hà huống là nhiều nữa. Nếu tu hành trải qua những việc làm sai biệt thì đều có chỗ sâu cạn khác nhau. Ta tuy rõ biết điều này, một pháp môn, ngoài ra chẳng thể rõ biết. Điều này lại chẳng phải là Phổ. Nếu vào Vương Tam Muội, tất cả đều cùng nhập vào; giống như vua đến; tức nhiên có nhiều việc thêm theo. Nhiều việc thêm theo lại có thêm theo. Vương Tam Muội lại cũng như vậy. Nhập vào Tam Muội này, tất cả Tam Muội đều vào trong

ấy. Đó là Tam Đê Tam Muội. Tam Đê Tam Muội lại có vô lượng pháp môn mà vì quyền thuộc. Lại nữa tất cả những điều này đều nhập vào trong Tam Muội. Cho nên gọi là nhập pháp môn Phổ.

Sáu là thần thông Phổ. Nếu là Đại La Hán thiên nhãn thì thấy Đại Thiên. (Bích) Chi Phật thì thấy được một trăm quốc độ Phật. Bồ Tát thấy được hàng sa quốc độ Phật. Tất cả đều bị hạn lượng bởi sự thông suốt; cho nên chẳng gọi là Phổ. Vì sao vậy? Duyên vào cảnh hẹp; nên thông ấy lại cũng nhỏ. Nay Viên Giáo Bồ Tát duyên vào 10 pháp giới cảnh, thông suốt; khắp thấy 10 pháp giới, lại chẳng có hạn cực. Tam Thừa nào chẳng rõ tên này. Hà huống là thấy được cảnh giới này. Thấy bằng mắt lại cũng như vậy; ngoài thí dụ ra có thể rõ. Trong phần thần thông vi diệu sẽ nói rộng.

Bảy là phương tiện Phổ. Tiến hành phương tiện là đạo tiền phương tiện. Khởi dụng phương tiện là đạo hậu phương tiện. Nay chánh thức làm rõ đạo hậu phương tiện vậy. Nếu Nhị Thừa cùng với tiểu Bồ Tát, chỗ hành phương tiện, nhập vào một pháp môn. Nếu muốn hóa tha, giúp chỗ sở đắc này khởi dụng hóa vật. Đạo tiền đạo hậu đều chẳng phải là Phổ. Viên Giáo Bồ Tát lấy Nhị Đê làm phương tiện, tựu được tất cả phương tiện. Vào Trung Đạo rồi, song chiếu nhị đế. Nhị đế thần biến, biến 10 pháp giới, mà đối với pháp thân vô sở tổn hoại. Đạo tiền đạo hậu; tất cả đều gọi là Phổ.

Tám là thuyết pháp Phổ. Nhị Thừa Tiểu Bồ Tát thuyết pháp chẳng có thể trong cùng một lúc trả lời cho chúng hội nghe. Lại nữa sự riêng biệt về địa phương tục lệ khác nhau; chẳng thể làm cho sự giải thích này đầy đủ được. Đại Kinh nói rằng: Câu Hi La ở nơi Thanh Văn, tứ vô ngại biện; là tối vi đệ nhất. Chẳng phải ý nghĩa của Bồ Tát. Nay người của Viên Giáo, một âm thanh diễn nói pháp; tùy theo loại được giải nghĩa. Dùng một diệu âm; biến khắp mười phương pháp giới; giống như đàn của A Tu La; tùy theo ý người mà xuất ra âm thanh. Đó gọi là thuyết pháp. Nói rộng ra trong việc thuyết pháp vi diệu.

Chín là cúng dường chư Phật Phổ. Tựu chung điều này chia làm hai. Một là sự; hai là lý. Hoa Nghiêm nói rằng: Chẳng vì cúng

dường một Đức Phật ở một quốc độ, mà là vi trần quốc độ. Cho đến vì cúng dường bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật. Lại hay chẳng khởi diệt định, hiện các oai nghi; ngồi thiền chấp tay tán thân các vị pháp vương. Dùng thân mệnh tài vật tất cả để cung phụng đầy đủ; cho đến khắp cả mười phương; giống như mưa hoa cúng dường chư Phật vậy. Giải thích rằng: Tâm của viên trí chánh quán gọi là giác. Giác ấy nghĩa là Phật. Vạn hạnh công đức huân tu, trí này là trí nhưt thiết. Tu công đức này cúng dường trí này; tức là cúng dường tất cả trí. Tịnh Danh nói rằng: Dùng một bữa ăn thí cho tất cả. Cho nên nói cúng dường chư Phật Phổ.

Mười là thành tựu chúng sanh Phổ. Giống như ngọn đèn sáng so với ngôi sao và mặt trăng, làm lợi ích che chở loại nhỏ. Ánh sáng mặt trời chiếu xuống thế gian; tất cả cỏ cây rừng rậm đều biến khắp; làm cho sanh trưởng hoa quả, thành tựu mọi việc. Ngoại đạo như ánh lửa đom đóm; Nhị Thừa như ánh đèn dầu. Thông giáo như ngôi sao. Biệt giáo như mặt trăng. Thành tựu nghĩa ấy là Ước(Giáo) . Nay viên giáo thánh hơn từ huệ nhiều ích lợi nhuận; làm sáng tỏ lợi ích vô hạn lượng. Hoa Nghiêm nói: Bồ Tát chẳng vì một chúng sanh, một quốc độ; một nơi nào chúng sanh phát tâm bồ đề, mà vì bất khả thuyết, bất khả thuyết quốc độ Phật, vi trần quốc độ chúng sanh phát tâm. Thành lập lợi ích một lúc cùng nhuận khắp. Giống như mưa lớn tất cả bốn phương đều nhuận khắp. Cho nên gọi là thành tựu chúng sanh Phổ.

Nghĩa của Phổ Môn chẳng có lượng định, chẳng có biên giới, há có cùng tận sao? Như Tịnh Danh chẳng thể thọ trì việc phân chia(thê) hết được. Nay Quan Thế Âm Phổ Môn này; tức là đối với ba hiệu. Quán tức là giác; giác gọi là Phật. Thế Âm là cảnh. Cảnh ấy tức là như. Phổ Môn tức là Chánh Biến Tri. Đây là ba nghĩa chẳng thể cùng tận. Nếu thấy được ý nghĩa này; tức là nói tự tại vậy. Ta đã nói nghĩa Thập Phổ chung trong phẩm Phổ Môn. Chúng thành việc này. Nếu như Quan Âm mãn chư tứ chúng, thọ anh lạc này thì tất cả gọi là bất nhị. Mãn nghĩa là bi thương. Đây tức là từ bi Phổ. Có từ bi cùng với nghĩa của hồng thệ Phổ. Dùng đủ loại hình đi đến các quốc độ để độ thoát chúng sanh. Tức là tịnh Phật quốc độ. Há không phải là tu hành Phổ sao? Tự ấy tức là

không bị cột trói, có thể cứu kẻ kia bị trói buộc. Tự ấy chính là vô độc, khiến cho kia lìa độc. Một lúc xung danh; tất cả đều được giải thoát. Tất cả đây là lời nói khắp tất, há chẳng phải đoạn hoặc Phở sao?

Phở Môn thị hiện tức là con người nhập vào Phở Môn Phở. Lực phương tiện ấy là phương tiện Phở. Thần thông lực ấy chính là thần thông Phở. Nhi vi thuyết pháp ấy là thuyết pháp Phở. Đa sở nhiều ích tức là thành tựu chúng sanh Phở. Phần tác nhị phần phụng nhị Như Lai tức là cúng dường chư Phật Phở. Tất cả ý nghĩa như vậy đều nằm trong Kinh. Cho nên dẫn dụ để làm chứng vậy.

Phần thứ hai giải thích về thể; dùng linh trí hợp với pháp thân để làm thể. Nếu ngoài kinh làm sáng tỏ ba thân thì riêng dùng pháp thân làm thể. Phẩm này hay có nghĩa là hai thân. Cho nên dùng lý trí hợp lại làm thể vậy. Chỉ có trí này; tức là thật tướng lý. Vì sao vậy? Nếu vô linh trí thì tướng thật ân; gọi là Như Lai tạng. Nay rõ biết quyền thật tướng cùng với lý chẳng hai. Giống như phải, trái vậy. Nếu làm rõ nghĩa của thể thật tướng thì rộng hơn nghĩa đen ở đại bản.

Phần thứ ba làm sáng tỏ tông(chỉ); dùng sự cảm ứng làm Tông. Cơ duyên nơi thập giới, trí tuệ lặng chiếu. Cho đến trước sau, sự lợi ích của việc cảm ứng. Câu văn tuy rộng; nhưng thẳng nơi cảm ứng qua lại. Như tế cương mục động(như mắc lưới giao động); cho nên dùng sự cảm ứng để làm Tông. Ngoài ra những kinh khác hoặc dùng nhơn quả để làm Tông. Phẩm này chẳng phải như vậy. Ngôn ngữ nhân quả thông qua từ phạm đến thượng địa. Mỗi mỗi đều có nhơn quả. Có thể cảm chỗ cảm; tức là tất cả đều có nhơn quả, mà ý của kinh văn; giống như chẳng đến điều này. Cơ gia tuy có nhơn quả, hằng dùng sự cảm(ứng) để làm tên. Thánh tuy vô nhân quả; nhưng thường dùng ứng để làm tên; tức là giúp cho ý nghĩa câu văn vậy. Nghĩa ấy lại có sáu.

Một là thí dụ; hai là giải thích tướng; ba là giải thích chỗ giống, khác nhau. Bốn là làm rõ sự tương đối. Năm là làm sáng tỏ Phở hay chẳng phải Phở. Sáu là biện quán tâm. Đây đủ ở Đại Bản.

Hỏi rằng: Nếu nói cơ thì đây là thiện nhỏ tương sanh. Ác nhỏ tương sanh lại cũng là cơ chẳng?

Đáp rằng: Đúng vậy.

Hỏi rằng: Cơ ấy là thiện hay bất thiện? Nếu là thiện này thì làm như thế nào để cảm được Thánh? Hoặc là chưa phải là thiện thì cái nào được nói là thiện tương sanh?

Đáp rằng: Tánh thiện nằm sâu như hoa sen trong bùn. Thánh nhơn như mặt trời chiếu sáng; tức liền xuất hiện.

Lại hỏi: Nếu nói cơ là quan, thì vị thiện quan(liên hệ)hay bất thiện quan? Nếu là thiện này thì làm sao Quan Thánh mà thành thiện được? Nếu chẳng phải thiện thì cái gì được làm cho Quan Thánh trở thành không phải thiện?

Đáp rằng: Thiện ấy liên hệ nơi đại từ; ác ấy liên hệ nơi đại bi; cho nên nói là tương quan.

Hỏi rằng: Nếu nói cản trở giải thích về cơ thì điều này là ứng gia quan cơ, dùng để nói cùng. Vậy thì cái nào giải thích về ý nghĩa của cảm ấy?

Đáp rằng: Viên cái(che đầy cả), viên đệ(thấp hoàn toàn) cùng được tương nghi.

Hỏi rằng: Vì dụng pháp thân; nên vì đó mà dùng ứng thân ứng. Ứng thân vô thường; đây tức là chẳng ứng. Pháp thân nếu ứng; đây tức là chẳng phải pháp thân chẳng?

Đáp rằng: Pháp đây tức là nói thân, sao lại chẳng nói ứng? Ứng thân ấy xung là ứng thì với ý gì lại chẳng ứng, mà tất cả đều ứng?

Lại hỏi: Cảm ứng là một hay là khác? Nếu cảm là một; tức là ứng phàm, thành Thánh. Nếu khác; tức là chẳng có tương quan chẳng?

Đáp rằng: Chẳng phải một mà cũng chẳng phải khác để luận về cảm ứng.

Hỏi rằng: Cảm ứng là hư hay là thật? Nếu là thật thì phàm phu là thật. Thật ấy làm sao có thể hóa. Nếu nói là hư hư thì cái gì thay đổi?

Đáp rằng: như vậy, như vậy, dùng hỏi điều khác.

Thánh nhơn là chỗ sở cảm, phàm phu là điều có thể cảm. Thánh nhơn có thể ứng, phàm phu là chỗ ứng. Chỗ cảm chẳng phải là cảm chỗ ứng, chẳng phải là ứng.

Hỏi rằng: Vì sao nói là cảm ứng đạo giao?

Đáp rằng: Chỗ cảm thật vô cảm; từ cảm gọi là chỗ cảm. Nói Thánh nhơn là chỗ cảm. Chỗ ứng thật vô ứng. Từ ứng gọi là chỗ ứng. Nói phàm phu là chỗ ứng; lại là cảm chỗ vì ứng có thể. Ứng có thể là cảm chỗ. Lại là ứng chỗ làm cảm có thể. Cảm có thể là ứng chỗ. Liên chẳng cảm ứng thật; lại vô cảm ứng khác đi. Chẳng khác mà khác. Thánh chưa chỗ cảm, mắt chưa có thể ứng. Phàm chưa chỗ ứng, mắt chưa thể cảm. Cho nên nói cảm ứng đạo giao. Chữ này thật là khó. Nếu thật vô cảm ứng khác đi, mà nay Thánh chưa thể cảm và phàm chưa thể ứng. Sao lại Thánh chưa thể ứng, phàm chưa thể cảm. Nếu như điều này; tức là không có đặc thù của phàm thánh. Nếu như điều cảm ứng này lại khác đi, thì sao nói là chẳng khác? Lại nữa cảm ấy có thể là vô cảm có thể thật. Nhưng gọi cảm có thể là gì, mà chẳng gọi là ứng có thể. Nếu chỗ ứng không thật thì cái gì chẳng gọi là chỗ cảm. Nếu như vậy tức là chẳng có phàm thánh cảm ứng. Nếu chẳng là như vậy thì sai khác, sao lại chẳng sai khác?

Lại vấn nạn rằng: nếu dùng cảm có thể vì chỗ ứng, chỗ cảm là ứng có thể thì điều này nghĩa ấy tự sanh. Nếu có thể ứng, chỉ là chỗ ứng hay cảm; chỉ là chỗ cảm. Lại là nghĩa tự sanh. Nếu ứng có thể sanh chỗ ứng, cảm có thể sanh chỗ cảm thì có thể cảm sanh chỗ cảm, chỗ cảm sanh có thể chỗ cảm. Có thể ứng sanh chỗ ứng; chỗ

ứng sanh có thể ứng. Tất cả đều từ kia sanh; há chẳng phải là nghĩa của tánh kia. Nếu cùng sanh tức là hai việc quá(độ). Nếu lìa hai thì rơi vào chỗ không non quá(độ).

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì không có cảm ứng chăng?

Đáp rằng: Thánh non dùng bình đẳng, không trụ pháp, chẳng trụ cảm; dùng Tứ Tất Đản tùy cơ nghi ứng vậy.

Hỏi rằng: Vọng chấp thiện, có thể cảm chăng?

Đáp rằng: Vọng chấp là ác, lại được cảm.

Hỏi rằng: Vọng chấp tức là chẳng phải nhưt ứng mà là hai chẳng?

Đáp rằng: Ứng bản không hai làm duyên thì chỗ nào mà chẳng làm?

Hỏi rằng: Phạm thì gọi là phạm; thiện tức là mời niềm vui; ác tức là cảm sự khổ. Thánh là vì chánh. Chánh ấy tức là chẳng phải thiện, chẳng phải ác; chẳng khổ, chẳng lạc. Thiện ác là thế. Sao có thể cảm chẳng thiện, chẳng ác, chánh tà được?

Đáp rằng: Chánh Thánh từ bi, bạt trừ thiện ác; khiến cho nhập vào phi thiện phi ác của việc chánh. Cho nên có cảm ứng. Đệ tử từ bi lợi vật làm dụng.

Hỏi rằng: Nhị trí chẳng thể dùng sao?

Đáp rằng: Nhị trí ngôn ngữ thông; khiến cho riêng phụ vào câu văn. Dùng làm sáng tỏ chỗ ẩn hiển. Cho nên dùng điều này sẽ dùng như thế. Cách giải thích khác là : Pháp thân thường lợi ích. Ứng thân dần ra khỏi, vì vô thường. Nay làm sáng tỏ, pháp thân thường tịch mà hằng chiếu; lý này cản trở. Ứng thân nơi nơi lợi ích chưa hề rời bỏ; lại là nghĩa thường. Nếu tin có ứng, chẳng ứng dùng làm vô thường; pháp thân lại hữu ích vô ích; cho nên rõ biết đầy đủ vô thường. Vô thường đều có minh hiển. Như mặt trời, mặt

trăng cù huân tu chúng sanh , chiếu sáng mọi nơi mọi chỗ. Như Lai hằng dùng thường và vô thường, hai pháp huân tu chúng sanh; cho nên gọi là hai chim cùng bay, mà gọi là thường, vô thường vậy. Giống như trồng cây hoặc giả ngoài mặt trời, gió, mưa thì trong ấy có đất, không khí, âm, mát, mà vạn vật được tăng, u hiển lưỡng ích lại cũng như vậy. Trong này ứng dụng Vương Tam Muội, mười lần phá 25 hữu(cõi). Dùng biện(tài)từ bi, dùng để lợi ích vạn vật. Đều ở trong Đại Bản Huyền.

Hỏi rằng: Quan Âm lợi vật, quảng đại như thế này, vì đó mà thành Phật. Giống như Bồ Tát chăng?

Đáp rằng: Đất này khó rõ, mà kinh thì có hai thuyết. Như Quan Âm thọ ký kinh đã soi sáng. Quan Âm Thế Chí được như huyền tam muội. Khắp nơi qua lại mười phương hóa vật. Ngày xưa ở nơi Kim Quang Sư Tử du hí Như Lai, quốc vương tên là Uy Đức. Hóa sanh ra hai người con. Bên trái gọi là Bửu Ý; tức là Quan Âm. Bên phải gọi là Bửu Thượng; tức là Thế Chí đến hỏi Phật, cúng dường cái gì là hơn cả. Phật bảo rằng: Hãy phát tâm Bồ Đề. Từ khi Như Lai mới phát tâm Bồ Đề, kể sau Đức Phật A Di Đà, sẽ thành chánh giác. Quan Âm là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương. Thế Chí gọi là Thiện Trụ Công Đức Bảo Sơn. Lại nữa Như Lai Tạng Kinh cũng nói: Quan Âm Văn Thù; tất cả đều chưa thành Phật. Quan Âm Tam Muội kinh cũng nói: Trước đây thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Đức Thích Ca vì vị Phật kia mà làm đệ tử tu khổ hạnh.

Hai câu văn nói như thế là ý gì? Cho đến Tứ Thất Đàn hóa vật, chẳng thể cầu sự thật này.

Thứ năm là làm rõ giáo tướng. Phạm ở Quan Âm kinh bộ có nhiều thứ; hoặc thỉnh Quan Thế Âm, Quan Âm thọ ký, Quan Âm Tam Muội, Quan Âm sám hối, Đại Bi Hùng Mãnh Quan Thế Âm v.v. chẳng giống. Nay chỗ truyền ấy tức là 1.530 của một phẩm Pháp Hoa. Còn truyền riêng thì cho đến Đàm Ba La Hám pháp sư lại có hiệu là Y Ba Lạc Bồ Tát. Đi từ đỉnh núi Nhậm đến Hà Tây. Vua xứ Hà Tây là Thả Cừ Mông Du quy kính chánh pháp; lại bị bệnh

nên thừa với Pháp Sư. Sư hỏi rằng: Quan Thế Âm cùng với đất nước này có duyên, liền bảo tụng niệm, bệnh khổ ấy liền tiêu trừ. Nhon đó là biệt truyền một phẩm lưu thông bộ ngoại vậy. Phẩm này là phần lưu thông của Pháp Hoa; tức là thông với giáo lý khai quyền hiển thật vậy. Khiến cho u hiển lưỡng ích ở tương lai. Cùng với thập pháp giới thân, viên ứng tất cả; khiến cho được giải thoát. Người theo Viên Giáo đối với pháp viên tròn, lưu thông viên giáo này vậy. Tức là lưu thông tướng viên giáo. Ngũ vị làm luận tức là lưu thông đề hồ vị.

Hỏi rằng: Phương tiện lực đủ loại chẳng giống nhau, nói lại ứng dị. Sao được gọi là tướng của viên giáo?

Đáp rằng: Tự chung có thể nói là con người vì Viên Giáo. Hoằng khai Viên Giáo là cơ hội đi khắp pháp giới. Cơ duyên ấy chẳng giống nhau; chẳng thể có thể cùng pháp và người tùy theo cơ duyên ấy mà thay đổi. Giống như Đức Phật đối với Nhứt Thừa, phân biệt nói làm ba. Há có thể khiến cho Phật lại là Thanh Văn, Duyên Giác sao? Lại phụ nói thêm rằng: Nếu người tin sâu và vì kinh này mà diễn nói, giải thích thì đối với kẻ chẳng tin nơi pháp thâm sâu kia, chỉ bày, dạy dỗ làm cho lợi ích. Liền đối trước Phật theo Viên Giáo gặp vạn cơ duyên. Đủ loại chẳng giống nhau; chỉ là lưu thông Viên Giáo.

Lại hỏi: Có thể nói người tu theo Viên Giáo, đối với giáo lại là Viên; kẻ thực hành cơ duyên ấy khác với người này hay kia là giáo gì? Nếu lời dạy kia cùng với người ở Lộ Uyển giống nhau thì viên giáo cơ duyên kia lại cũng ứng chẳng?

Đáp rằng: Ngày xưa ở Lộ Uyển Đức Phật chưa phát Bản hiển Tích; chẳng cùng với ba quy một; người, pháp chưa Viên. Chỗ kia phương tiện chưa được xưng là Viên. Nay kinh đã khai hiển quyền thật. Tuy là đủ loại thân Bản Tích; nhưng bất tư nghi chỉ một. Tuy nói đủ loại pháp vì khai mở con đường Viên Giáo, đối với nghĩa không.

Những câu hỏi bên trên đã nói ngay rằng xả bỏ phương tiện. Trong đây nói cái gì là dùng phương tiện?

Đáp rằng: Bên trên chánh thức hiển thật; cho nên nói xả này. Trong đây luận dùng; cho nên nói là thị hiện. Thể dụng bất tư nghi chỉ một vậy.

Quan Âm Huyền Nghĩa quyển hạ hết.

Dịch xong phần trên vào ngày 30 tháng 7 năm 2013 tại Turku, Phần Lan nhân khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 tổ chức tại đây từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 4 tháng 8 năm 2013.